

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT
Học kỳ: hè, Năm học: 2016-2017

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Vũ	3/3/1994	An ninh thương mại ĐT	K46TMĐT	HL	915969492		2	3,600.000			
2	Đặng Thị Mai Phương	27/8/1995	CNMLN1	K47TTMKT	HL	1655600172		2	530.000			
3	Phan Thị Thúy Nga	12/5/1996	CNMLN1	K48HDDL	HL	906451949		2	530.000			
4	Hồ Thị Bích Ngọc	20/11/1995	CNMLN1	K48HDDL	HL	1654632652		2	530.000			
5	Trần Phước Trọng Nhân	27/1/1996	CNMLN1	K48KTDL	HL	938634534	17/5	2	530.000			
6	Phạm Thị Khánh Nhi	17/6/1996	CNMLN1	K48KTDL	HL	1262552334	17/5	2	530.000			
7	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	24/2/1996	CNMLN1	K48KTDL	HL	936634534	17/5	2	530.000			
8	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/7/1995	CNMLN1	K48QHCC	HL			2	530.000			
9	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	CNMLN1	K48QHCC	HL	986450676		2	530.000			
10	Trần Thị Kim	1/11/1995	CNMLN1	K48QHCC	CT	898228154		2	530.000			
11	Hồ Thị Linh Nhi	7/12/1996	CNMLN1	K48QHCC	HL	1225724823		2	530.000			
12	Trịnh Thu Thủy	26/11/1996	CNMLN1	K48QTKDDL	HL	1203983155		2	530.000			
13	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	CNMLN1	K48TCSK	CT	905319018	19/5	2	530.000			
14	Nguyễn Thị Tô Nhi	14/10/1996	CNMLN1	K48TCSK	HL	1226208275		2	530.000			
15	Lê Thị Hoài Như	27/4/1996	CNMLN1	K48TCSK	CT	905101060	19/5	2	530.000			
16	Huỳnh Thái Uyên	12/12/1996	CNMLN1	K48TCSK	HL	932585763		2	530.000			
17	Nguyễn Ngọc Anh	28/5/1997	CNMLN1	K49HDDL	HL	935567311		2	530.000			
18	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	CNMLN1	K49KTDL	HL	1643348660		2	530.000			
19	Nguyễn Thị Kim Vi	8/2/1997	CNMLN1	K49KTDL	CT	1655508968		2	530.000			
20	Phạm Thị Thanh Hằng	9/3/1997	CNMLN1	K49QHCC	HL	1675905569		2	530.000			
21	Đặng Thị Nga	4/11/1997	CNMLN1	K49QHCC	HL	1205121140		2	530.000			
22	Đặng Nguyễn Hữu Nghĩa	20/8/1996	CNMLN1	K49QHCC	HL			2	530.000			
23	Võ Thiệu Tuấn	5/1/1997	CNMLN1	K49QHCC	HL	905840810		2	530.000			
24	Bùi Xuân Việt	11/12/1997	CNMLN1	K49QHCC	HL	1665676223		2	530.000			
25	Trương Thị Kim Anh	27/8/1997	CNMLN1	K49QLLH2	HL	981536197		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
26	Nguyễn Thị Hương Giang	20/9/1996	CNMLN1	K49QLLH2	HL	1276551077		2	530.000			
27	Lê Thị Trúc	19/9/1997	CNMLN1	K49QLLH2	HL	1202722759		2	530.000			
28	Đoàn Vĩnh Phước	17/6/1997	CNMLN1	K49QLLH3	HL	1282281827		2	530.000			
29	Nguyễn Văn Bình	29/8/1997	CNMLN1	K49QTKD	HL	1694180478		2	530.000			
30	Phùng Thị Kim Nhung	01/10/1997	CNMLN1	K49QTKD	HL	1219207506	17/5	2	530.000			
31	Nguyễn Thị Lan Phương	9/1/1997	CNMLN1	K49QTKD	HL	961736798	17/5	2	530.000			
32	Trần Thị Tố Trinh	01/5/1997	CNMLN1	K49QTKD	CT	1674904594		2	530.000			
33	Bùi Thị Quỳnh An	27/4/1997	CNMLN1	K49TCSK	HL	971952196	22/5	2	530.000			
34	Lê Tấn Chinh	16/1/1997	CNMLN1	K49TCSK	HL	935841424	24/5	2	530.000			
35	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/9/1997	CNMLN1	K49TCSK	HL	1644783864		2	530.000			
36	Trần Thị Thủy	22/10/1996	CNMLN1	K49TCSK	HL	947452278		2	530.000			
37	Trần Thị Kim Chung	17/3/1997	CNMLN1	K49TTMKT	HL	1216600505		2	530.000			
38	Nguyễn Thị Kim Luân	13/2/1997	CNMLN1	K49TTMKT	HL	1288026085		2	530.000			
39	Nguyễn Trần Tú Trân	7/10/1997	CNMLN1	K49TTMKT	HL	981653697		2	530.000			
40	Nguyễn Thị Khánh Linh	3/10/1998	CNMLN1	K50KTDL	CT	1686679139		2	530.000			
41	Phạm Đình Bạch Linh	20/2/1997	CNMLN1	K50QTDVDLLHB	HL	1628715087		2	530.000			
42	Nguyễn Như Nguyệt Hằng	16/4/1998	CNMLN1	K50QTDVDLLHC	HL	1266624266		2	530.000			
43	Lê Thị Thanh Hương	14/7/1998	CNMLN1	K50QTKDA	HL	941552674		2	530.000			
44	Nguyễn Quốc Bảo	7/6/1998	CNMLN1	K50QTKDC	HL	1676797022		2	530.000			
45	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	CNMLN2	K47TMĐT	CT	1202576586		3	795.000			
46	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	CNMLN2	K47TMĐT	CT	1202576131		3	795.000			
47	Lương Phan Minh Quý	8/12/1995	CNMLN2	K47TMĐT	HL	1205913162	18/5	3	795.000			
48	Trương Thị Vi Sa	2/1/1995	CNMLN2	K47TTMKT	CT	905903150		3	795.000			
49	Lương Đức Hiếu	30/5/1996	CNMLN2	K48HDDL	HL	1204599896		3	795.000			
50	Phạm Thanh Tùng	21/2/1995	CNMLN2	K48HDDL	HL	1655429357		3	795.000			
51	Phan Trần Nhật Nhung	17/6/1996	CNMLN2	K48KTDL	HL	1229418005		3	795.000			
52	Lê Thị Hoài Phương	31/5/1996	CNMLN2	K48KTDL	CT	898228154		3	795.000			
53	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22/12/1996	CNMLN2	K48KTDL	CT	903583003		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
54	Đặng Thị Bích Chi	27/6/1996	CNMLN2	K48QHCC	HL	898228154		3	795.000			
55	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/7/1995	CNMLN2	K48QHCC	HL			3	795.000			
56	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	CNMLN2	K48QHCC	HL	986450676		3	795.000			
57	Trương Thảo My	22/5/1996	CNMLN2	K48QHCC	HL	1269988862		3	795.000			
58	Hồ Thị Linh Nhi	7/12/1996	CNMLN2	K48QHCC	HL	1225724823		3	795.000			
59	Nguyễn Thị Giang	5/5/1996	CNMLN2	K48QLLH	HL	983086537		3	795.000			
60	Phan Thị Thắm	13/11/1996	CNMLN2	K48QLLH1	CT	989863108		3	795.000			
61	Hoàng Thị Thu Hà	13/8/1995	CNMLN2	K48TCSK	CT	1663949045		3	795.000			
62	Dương Thị Bích Trâm	20/8/1996	CNMLN2	K48TCSK	CT	1269729475		3	795.000			
63	Nguyễn Thị Thúy Vy	20/10/1996	CNMLN2	K48TCSK	HL	1262588172		3	795.000			
64	Hồ Đình Nguyên An	18/4/1996	CNMLN2	K48TMĐT	HL			3	795.000			
65	Ngô Bảo Chung	9/9/1995	CNMLN2	K48TMĐT	HL	968094731		3	795.000			
66	Hà Thị Uyên Nhi	29/10/1995	CNMLN2	K48TMĐT	HL	905946355		3	795.000			
67	Trần Thị Bích Phương	18/1/1996	CNMLN2	K48TMĐT	HL	901945437		3	795.000			
68	Nguyễn Thị Gấm	6/10/1996	CNMLN2	K48TTMKT	CT	1659945640		3	795.000			
69	Nguyễn Đức Hậu	20/3/1996	CNMLN2	K48TTMKT	CT	1694582101		3	795.000			
70	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/1/1996	CNMLN2	K48TTMKT	CT			3	795.000			
71	Trần Thị Tuyết Ngân	3/4/1996	CNMLN2	K48TTMKT	CT	1677790307		3	795.000			
72	Nguyễn Sỹ Tài	5/6/1996	CNMLN2	K48TTMKT	CT	1222460909		3	795.000			
73	Lê Quang Duận	3/2/1997	CNMLN2	K49HDDL	CT	981765905		3	795.000			
74	Đào Văn Năm	2/5/1998	CNMLN2	K49HDDL	HL	971843595		3	795.000			
75	Lê Thị Thúy Quỳnh	1/10/1997	CNMLN2	K49KTDL	HL	1282129443		3	795.000			
76	Đặng Nguyễn Hữu Nghĩa	20/8/1996	CNMLN2	K49QHCC	HL			3	795.000			
77	Nguyễn Thị Tâm Nhi	9/11/1997	CNMLN2	K49QHCC	HL	1253426982		3	795.000			
78	Đỗ Lê Nhật Quang	7/12/1997	CNMLN2	K49QHCC	HL	1224194971		3	795.000			
79	Lê Thị Trang	2/3/1997	CNMLN2	K49QHCC	HL	1226204757		3	795.000			
80	Võ Thiệu Tuấn	5/1/1997	CNMLN2	K49QHCC	HL	905840810		3	795.000			
81	Bùi Xuân Việt	11/12/1997	CNMLN2	K49QHCC	HL	1665676223		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
82	Đặng Vũ Minh Phương	8/3/1997	CNMLN2	K49QLLH2	HL	1223554941		3	795.000			
83	Trần Thị Thu Thủy	27/2/1997	CNMLN2	K49QLLH2	HL	1227574357		3	795.000			
84	Trần Thị Kim Loan	29/9/1997	CNMLN2	K49QLLH3	HL	1216655209		3	795.000			
85	Trần Thị Thanh Thanh	24/1/1997	CNMLN2	K49QLLH3	HL	1262605379		3	795.000			
86	Nguyễn Văn Bình	29/8/1997	CNMLN2	K49QTKD	HL	1694180478		3	795.000			
87	Hồ Đình Lực	19/6/1997	CNMLN2	K49QTKD	HL	1634782441		3	795.000			
88	Lê Thị Thảo Ngân	16/9/1997	CNMLN2	K49TCSK	HL	1669991609	24/5	3	795.000			
89	Phan Thị Thu Thảo	17/4/1997	CNMLN2	K49TCSK	CT	1654256561	24/5	3	795.000			
90	Nguyễn Quỳnh Thư	30/7/1997	CNMLN2	K49TCSK	HL	1205426174		3	795.000			
91	Phạm Cao Liên Công	1992	CNMLN2	K49TMĐT	HL	1224599194		3	795.000			
92	Nguyễn Khoa Thị Th Linh	29/5/1997	CNMLN2	K49TMĐT	HL	1626595155		3	795.000			
93	Phan Thị Ngọc Nương	17/9/1997	CNMLN2	K49TMĐT	HL	1212154215		3	795.000			
94	Lê Thị Trang	26/12/1997	CNMLN2	K49TMĐT	HL	1287129843		3	795.000			
95	Nguyễn Xuân Minh Tuấn	9/5/1997	CNMLN2	K49TMĐT	HL	1247777252		3	795.000			
96	Trần Thị Minh Phương	30/8/1997	CNMLN2	K49TTMKT	HL	906436403		3	795.000			
97	Nguyễn Phước Quang	24/4/1996	CNMLN2	K49TTMKT	HL	1657573831		3	795.000			
98	Hoàng Nhật Thái	13/5/1997	CNMLN2	K49TTMKT	HL	898866445		3	795.000			
99	Nguyễn Thanh Thanh	24/8/1997	CNMLN2	K49TTMKT	HL	1226132378		3	795.000			
100	Cảnh Vân Tôn Nữ A ₁ Thy	2/10/1996	CNMLN2	K49TTMKT	HL	1206242069		3	795.000			
101	Nguyễn Thị Bảo Trân	2/12/1997	CNMLN2	K49TTMKT	HL	935540441		3	795.000			
102	Trương Thảo My	22/5/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	HL	1269988862		3	795.000			
103	Hồ Thị Linh Nhi	7/12/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	HL	1225724823		3	795.000			
104	Võ Thị Minh Trang	28/8/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	HL	935722937		3	795.000			
105	Đặng Thị Lành	4/10/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48QLLH2	HL	935523451		3	795.000			
106	Lê Thị Tường Vân	10/1/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QLLH2	HL	1287744481		3	795.000			
107	Nguyễn Vũ Thùy Nhiên	16/1/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QTKDDL	CT	965468997		3	795.000			
108	Phan Thị Quỳnh Như	29/11/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48QTKDDL	CT	935718382		3	795.000			
109	Nguyễn Thị Sen	5/6/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TMĐT	HL	1652772218		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
110	Nguyễn Văn Huy	10/2/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	HL	1262719827		3	795.000			
111	Lê Thị Huyền	25/2/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	HL	1687058252		3	795.000			
112	Nguyễn Thị Kiều Nhi	20/1/1995	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	HL	1222567256	16/5	3	795.000			
113	Phan Thị Trà Ny	21/4/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	HL	963312307		3	795.000			
114	Lê Thị Thảo	16/4/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	CT	964793565		3	795.000			
115	Đoàn Thị Thanh Trang	1/12/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48TTMKT	HL	1268480035		3	795.000			
116	Lê Thị Minh Nguyệt	3/1/1996	Địa lý du lịch	K48HDDL	HL	1658006524		2	3,600.000			
117	Trần Minh Tân	28/11/1995	ĐLĐCSVN	K47QLLH	HL	1693699599		3	795.000			
118	Huỳnh Thị Hoàng Anh	4/6/1995	ĐLĐCSVN	K47TMĐT	HL	1204014830		3	795.000			
119	Ngô Thị Hương	20/11/1994	ĐLĐCSVN	K47TMĐT	HL	965420461	18/5	3	795.000			
120	Trương Thị Vi Sa	2/1/1995	ĐLĐCSVN	K47TTMKT	CT	905903150		3	795.000			
121	Hồ Thị Bích Ngọc	20/11/1995	ĐLĐCSVN	K48HDDL	HL	1654632652		3	795.000			
122	Phạm Thanh Tùng	21/2/1995	ĐLĐCSVN	K48HDDL	HL	1655429357		3	795.000			
123	Võ Thị Cẩm Duyên	24/2/1996	ĐLĐCSVN	K48KTDL	CT	978184359		3	795.000			
124	Trần Phước Trọng Nhân	27/1/1996	ĐLĐCSVN	K48KTDL	HL	938634534	17/5	3	795.000			
125	Phan Trần Nhật Nhung	17/6/1996	ĐLĐCSVN	K48KTDL	HL	1229418005		3	795.000			
126	Châu Thị Như Quỳnh	4/6/1996	ĐLĐCSVN	K48KTDL	HL	1222418558	17/5	3	795.000			
127	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22/12/1996	ĐLĐCSVN	K48KTDL	CT	903583003		3	795.000			
128	Đặng Thị Lành	4/10/1995	ĐLĐCSVN	K48QLLH2	HL	935523451		3	795.000			
129	Lê Thị Ngọc Huyền	7/10/1996	ĐLĐCSVN	K48TCSK	CT	1219482995		3	795.000			
130	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	ĐLĐCSVN	K48TCSK	CT	905319018	19/5	3	795.000			
131	Nguyễn Mậu Nhất	6/3/1995	ĐLĐCSVN	K48TCSK	HL	1292710057		3	795.000			
132	Nguyễn Đình Tâm	5/11/1996	ĐLĐCSVN	K48TCSK	HL	1626197465		3	795.000			
133	Hồ Đình Nguyên An	18/4/1996	ĐLĐCSVN	K48TMĐT	HL			3	795.000			
134	Ngô Bảo Chung	9/9/1995	ĐLĐCSVN	K48TMĐT	HL	968094731		3	795.000			
135	Trần Thị Bích Phương	18/1/1996	ĐLĐCSVN	K48TMĐT	HL	901945437		3	795.000			
136	Nguyễn Lê Quỳnh Thi	13/5/1996	ĐLĐCSVN	K48TMĐT	HL	1224390930		3	795.000			
137	Đặng Thị Như Ý	20/8/1994	ĐLĐCSVN	K48TTMKT	HL	935993481	19/5	3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
138	Nguyễn Thị Bình Nhi	5/12/1997	ĐLĐCSVN	K49KTDL	HL	1667553834		3	795.000			
139	Trần Thị Thảo Anh	15/4/1997	ĐLĐCSVN	K49QHCC	HL	986832278		3	795.000			
140	Phạm Thị Thanh Hằng	9/3/1997	ĐLĐCSVN	K49QHCC	HL	1675905569		3	795.000			
141	Phan Thị Thảo	10/9/1996	ĐLĐCSVN	K49QHCC	HL	969061025		3	795.000			
142	Lê Thị Thu Thủy	5/7/1997	ĐLĐCSVN	K49QHCC	HL	1215566465		3	795.000			
143	Nguyễn Thị Kim Thoa	29/12/1997	ĐLĐCSVN	K49QLLH1	HL	969315953		3	795.000			
144	Phùng Thị Kim Nhung	01/10/1997	ĐLĐCSVN	K49QTKD	HL	1219207506	17/5	3	795.000			
145	Lê Thị Quỳnh Vân	1/2/1997	ĐLĐCSVN	K49QTKD	HL	1202483897		3	795.000			
146	Lê Tấn Chinh	16/1/1997	ĐLĐCSVN	K49TCSK	HL	935841424	24/5	3	795.000			
147	Phan Thị Thanh Ngọc	20/3/1997	ĐLĐCSVN	K49TCSK	HL	1263035317		3	795.000			
148	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/9/1997	ĐLĐCSVN	K49TCSK	HL	1644783864		3	795.000			
149	Nguyễn Thanh Nhân	13/4/1997	ĐLĐCSVN	K49TCSK	HL	1264809531		3	795.000			
150	Trần Lê Hoài Như	30/10/1997	ĐLĐCSVN	K49TCSK	CT	1676456650		3	795.000			
151	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	ĐLĐCSVN	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	3	795.000			
152	Ngô Thị Thu	21/2/1997	ĐLĐCSVN	K49TTMKT	HL	905069620		3	795.000			
153	Lê Thị Kim Tuyền	15/5/1997	ĐLĐCSVN	K49TTMKT	HL	974658311		3	795.000			
154	Nguyễn Thị Việt Nga	23/4/1995	Kế toán doanh nghiệp	K47QHCC	HL	935411605		3	5,700.000			
155	Phạm Thị Khánh Nhi	17/6/1996	Khoa học môi trường	K48KTDL	HL	1262552334	17/5	2	530.000			
156	Nguyễn Đức Hậu	20/3/1996	Khoa học môi trường	K48TTMKT	CT	1694582101		2	530.000			
157	Lê Thị Thúy Quỳnh	1/10/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	HL	1282129443		2	530.000			
158	Trần Anh Thư	13/10/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	HL	1626126266		2	530.000			
159	Ngô Thị Thùy Trang	17/8/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	HL	1627006000		2	530.000			
160	Nguyễn Thục Trinh	3/12/1996	Khoa học môi trường	K49KTDL	HL			2	530.000			
161	Nguyễn Thị Kim Vi	8/2/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	CT	1655508968		2	530.000			
162	Kiều Thị Tường Vy	27/4/1997	Khoa học môi trường	K49KTDL	CT	963088765		2	530.000			
163	Võ Kiều Danh	6/10/1997	Khoa học môi trường	K49QHCC	HL	976616299		2	530.000			
164	Trương Thị Phương Anh	16/4/1997	Khoa học môi trường	K49QLLH1	HL	1206087929		2	530.000			
165	Lê Thị Yên Nhi	25/1/1997	Khoa học môi trường	K49QTKD	CT	1216261869		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
166	Nguyễn Thị Phương	16/9/1997	Khoa học môi trường	K49QTKD	CT	1214232091		2	530.000			
167	Trần Lê Hoài Như	30/10/1997	Khoa học môi trường	K49TCSK	CT	1676456650		2	530.000			
168	Phoutsamay Phengbuavanh	17/6/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDB	HL	1698653648	22/5	2	530.000			
169	Linly Koutsabath	8/10/1997	Khoa học môi trường	K50QTKDB	HL	1689808110	22/5	2	530.000			
170	Lê Thị Thiệp	18/9/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDC	HL	968514727		2	530.000			
171	Võ Thị Trinh	17/3/1997	Khoa học môi trường	K50QTKDC	HL	1699639373		2	530.000			
172	Lê Thị Hồng Vân	29/3/1998	Khoa học môi trường	K50QTKDC	HL	1202788074		2	530.000			
173	Vũ Doan Trang	21/11/1992	Kinh tế lượng	K47HDDL	HL	1683790201		3	795.000			
174	Hồ Đắc Trí	15/9/1992	Kinh tế lượng	K47HDDL	HL	1215507210		3	795.000			
175	Phan Thị Tuyết Mai	14/8/1995	Kinh tế lượng	K47TTMKT	HL			3	795.000			
176	Trần Thị Hải	5/2/1996	Kinh tế lượng	K48HDDL	HL	1626364223		3	795.000			
177	Nguyễn Thị Lựu	25/1/1996	Kinh tế lượng	K48QTLHQT	HL	968479728		3	795.000			
178	Ngô Bảo Chung	9/9/1995	Kinh tế lượng	K48TMĐT	HL	968094731		3	795.000			
179	Lê Văn Đức	6/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	CT	1297353709		3	795.000			
180	Đặng Hương	20/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	971537493		3	795.000			
181	Lê Văn Lang	2/1/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	981874807		3	795.000			
182	Hoàng Thị Nhung	2/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	1225578118		3	795.000			
183	Nguyễn Thị Ánh Sao	22/10/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	979001164		3	795.000			
184	Nguyễn thị Thanh Tâm	21/2/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	982415718		3	795.000			
185	Võ Thị Thanh	19/3/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	961391894		3	795.000			
186	Chu Duy Thật	25/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	985838637		3	795.000			
187	Trần Thị Anh Thư	21/7/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	1626928422		3	795.000			
188	Võ Thị Ngọc Trâm	3/5/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	984439693		3	795.000			
189	Lê Hữu Chung	24/9/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH3	HL			3	795.000			
190	Trần Trúc Linh	25/6/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	HL	1685772025		3	795.000			
191	Lê Ngọc	14/7/1994	Kinh tế lượng	K49QLLH3	HL	963430333		3	795.000			
192	Nguyễn Trần Kim Nguyễn	1/1/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH3	HL	1686344011		3	795.000			
193	Trần Thị Hồng Nhi	26/1/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH3	HL	969037651		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
194	Huỳnh Thị Thùy Nhiên	14/11/1997	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	981080057		3	795.000			
195	Trần Thị Quý	14/10/1996	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	985855206		3	795.000			
196	Trương Thị Ngọc Quyên	2/8/1997	Kinh tê lượng	K49QLLH3	CT	1863917010		3	795.000			
197	Nguyễn Thị Thảo	26/1/1997	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	1636929005		3	795.000			
198	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	1247070497		3	795.000			
199	Nguyễn Thị Thanh Thúy	7/4/1996	Kinh tê lượng	K49QLLH3	CT	976208811		3	795.000			
200	Nguyễn Thị Vân	1/12/1997	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	1699382217		3	795.000			
201	Huỳnh Thị Ngọc Yển	2/5/1996	Kinh tê lượng	K49QLLH3	HL	1283203005		3	795.000			
202	Nguyễn Thị Trâm Anh	24/8/1997	Kinh tê lượng	K49TTMKT	HL	1202055392		3	795.000			
203	Nguyễn Thị Kim Luân	13/2/1997	Kinh tê lượng	K49TTMKT	HL	1288026085		3	795.000			
204	Nguyễn Thanh Thanh	24/8/1997	Kinh tê lượng	K49TTMKT	HL	1226132378		3	795.000			
205	Lê Thị Thùy Trang	27/8/1997	Kinh tê lượng	K49TTMKT	HL			3	795.000			
206	Nguyễn Thị Phương Dung	29/6/1995	Kinh tế lượng	K47HDDL	HL	969614493	18/5	3	795.000			
207	Nguyễn Đình Phú	15/12/1995	Kinh tế lượng	K47TCSK	HL	1288007362	19/5	3	795.000			
208	Trương Thị Vi Sa	2/1/1995	Kinh tế lượng	K47TTMKT	CT	905903150		3	795.000			
209	Lương Đức Hiếu	30/5/1996	Kinh tế lượng	K48HDDL	HL	1204599896		3	795.000			
210	Huỳnh Thị Minh Châu	21/8/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	1635138218		3	795.000			
211	Võ Quang Đình	15/2/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	964772695		3	795.000			
212	Nguyễn Cửu Hoài Đức	10/9/1997	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	1659030248		3	795.000			
213	Bùi Thị Thanh Thảo	13/7/1996	Kinh tế lượng	K49QLLH1	HL	1695203951	18/5	3	795.000			
214	Trần Thị Ngọc Hằng	01/7/1997	Kinh tế lượng	K49QTKD	HL	1216655281	18/5	3	795.000			
215	Hồ Đình Lực	19/6/1997	Kinh tế lượng	K49QTKD	HL	1634782441		3	795.000			
216	Lê Phước Thảo Mi	11/2/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	HL	1213325665		3	795.000			
217	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	3	795.000			
218	Lê Thị Minh Trang	5/6/1996	Kinh tế lượng	K49TTMKT	HL	1216741347		3	795.000			
219	Nguyễn Trí Tuệ	12/1/1997	Kinh tế lượng	K49TTMKT	HL	1679650049		3	795.000			
220	Phạm Đình Sang	20/1/1995	Kinh tế vi mô	K47QHCC	HL	931410223		3	795.000			
221	Trần Thị Tuyết Nhung	16/11/1995	Kinh tế vi mô	K47QTKD	CT	969875798		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
222	Nguyễn Thị Thùy Linh	1/9/1995	Kinh tế vi mô	K47TCSK	HL	969231229		3	795.000			
223	Nguyễn Gia Toàn	7/1/1995	Kinh tế vi mô	K47TMĐT	HL	1262499540		3	795.000			
224	Nguyễn Thị Diệu Thương	28/3/1995	Kinh tế vi mô	K48HDDL	HL	979272916		3	795.000			
225	Hồ Thị Mỹ Hạnh	20/12/1995	Kinh tế vi mô	K48KTDL	HL	1646997620		3	795.000			
226	Trần Thị Thu Hiền	20/3/1996	Kinh tế vi mô	K48KTDL		1222425275		3	795.000			
227	Đặng Thị Thu Thúy	12/1/1996	Kinh tế vi mô	K48KTDL	HL	1203906290		3	795.000			
228	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/3/1996	Kinh tế vi mô	K48TCSK	CT	1208090068		3	795.000			
229	Lê Ngọc Phương Nhi	14/12/1995	Kinh tế vi mô	K48TCSK	HL	1208042900		3	795.000			
230	Dương Thị Diệu Phương	13/3/1995	Kinh tế vi mô	K48TCSK	HL	935403014		3	795.000			
231	Nguyễn Song Thùy Trang	28/3/1996	Kinh tế vi mô	K48TCSK	HL	1647969580		3	795.000			
232	Nguyễn Thị Sen	5/6/1996	Kinh tế vi mô	K48TMĐT	HL	1652772218		3	795.000			
233	Nguyễn Thị Thảo Ly	23/9/1996	Kinh tế vi mô	K48TTMKT	HL	1206242589		3	795.000			
234	Trần Thị Thảo Anh	15/4/1997	Kinh tế vi mô	K49QHCC	HL	986832278		3	795.000			
235	Bùi Thị Như Ngọc	30/10/1997	Kinh tế vi mô	K49QHCC	HL	969061229		3	795.000			
236	Nguyễn Thị Tâm Nhi	9/11/1997	Kinh tế vi mô	K49QHCC	HL	1253426982		3	795.000			
237	Nguyễn Thị Kiều Oanh	16/2/1997	Kinh tế vi mô	K49QLLH1	HL	1628006948		3	795.000			
238	Đinh Thị Thúy	18/5/1997	Kinh tế vi mô	K49QLLH1	CT	1235235297		3	795.000			
239	Trần Thị Mỹ Duyên	20/7/1997	Kinh tế vi mô	K49QLLH2	HL	1629117665		3	795.000			
240	Hồ Hiếu Hạnh	14/7/1996	Kinh tế vi mô	K49QLLH2	CT	1282112213		3	795.000			
241	Trương Thị Ngọc	22/11/1997	Kinh tế vi mô	K49QLLH2	HL	1636006315		3	795.000			
242	Nguyễn Thị Huyền	3/8/1997	Kinh tế vi mô	K49QLLH3	HL	1626844175		3	795.000			
243	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	18/11/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1202656555	18/5	3	795.000			
244	Lê Hải Vân Anh	30/10/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	948481616	18/5	3	795.000			
245	Nguyễn Thị Kim Anh	21/8/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1205942570		3	795.000			
246	Văn Thị Ngọc Thanh Diệp	5/5/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1692659987		3	795.000			
247	Nguyễn Đặng Thùy Dung	29/10/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1678137877		3	795.000			
248	Lương Gia Hân	23/3/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1227570397	17/5	3	795.000			
249	Nguyễn Thị Hạnh	18/8/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1693300700	18/5	3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
250	Hồ Thị Mỹ Hương	23/4/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1208180311		3	795.000			
251	Trần Thị Lệ	15/7/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	968142006		3	795.000			
252	Nguyễn Thanh Loan	1/2/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	945346945		3	795.000			
253	Nguyễn Thị Phương Nhi	24/10/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1664843835		3	795.000			
254	Nguyễn Thị Nhi	10/9/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1298581226		3	795.000			
255	Đình Thị Hoàng Oanh	29/5/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1687079577		3	795.000			
256	Thái Thị Thanh Phương	28/10/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1652766150	17/5	3	795.000			
257	Nguyễn Thị Lan Phương	9/1/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	961736798	17/5	3	795.000			
258	Trần Huyền Thoại	6/3/1996	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	978404015	17/5	3	795.000			
259	Lê Thị Tú Trinh	7/11/1997	Kinh tế vi mô	K49QTKD	HL	1672597019		3	795.000			
260	Phạm Thị Ngọc Bích	4/11/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1263035417		3	795.000			
261	Lê Tấn Chinh	16/1/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	935841424	24/5	3	795.000			
262	Trần Đức Thành Đạt	6/4/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	905653640		3	795.000			
263	Nguyễn Quang Đình	11/10/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1663217530		3	795.000			
264	Nguyễn Thị Hằng	23/3/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	963892847		3	795.000			
265	Huỳnh Ái Thúy Hằng	25/9/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	932438194		3	795.000			
266	Phạm Lê Trung Hiếu	6/6/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1645000775		3	795.000			
267	Trương Hoàng Hùng	8/8/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1222451567		3	795.000			
268	Đình Nữ Nhật Linh	3/11/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1263262013		3	795.000			
269	Phan Thị Thanh Ngọc	20/3/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1263035317		3	795.000			
270	Đặng Thị Kim Oanh	10/3/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	935376990		3	795.000			
271	Lê Thị Như Quỳnh	15/4/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	918196353		3	795.000			
272	Trần Nguyên Hà Thi	20/4/1995	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1288027097		3	795.000			
273	Nguyễn Thị Kim Thoa	28/8/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1648034651	17/5	3	795.000			
274	Hồ Anh Thư	3/7/1997	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	1202624372		3	795.000			
275	Trần Thị Thủy	22/10/1996	Kinh tế vi mô	K49TCSK	HL	947452278		3	795.000			
276	Lê Thị Khánh Hà	2/9/1996	Kinh tế vi mô	K49TMĐT	HL	1206190308		3	795.000			
277	Nguyễn Hoàng Hy	10/2/1997	Kinh tế vi mô	K49TMĐT	HL	1698943933		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
278	Hoàng Thị Tâm	20/3/1996	Kinh tế vi mô	K49TMĐT	HL	1669817868		3	795.000			
279	Nguyễn Thị Hồng Vân	25/2/1997	Kinh tế vi mô	K49TMĐT	HL	1689392363		3	795.000			
280	Lê Phú Hương	14/2/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	936856531		3	795.000			
281	Nguyễn Thị Mỹ Phương	30/3/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	1644530725		3	795.000			
282	Bảo Hoàng Minh Quý	2/1/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	1226322587		3	795.000			
283	Ngô Thị Thu	21/2/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	905069620		3	795.000			
284	Nguyễn Thị Bảo Trân	2/12/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	935540441		3	795.000			
285	Nguyễn Trần Tú Trân	7/10/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	981653697		3	795.000			
286	Lê Thị Minh Trang	5/6/1996	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	1216741347		3	795.000			
287	Nguyễn Trí Tuệ	12/1/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	1679650049		3	795.000			
288	Lê Thị Kim Tuyền	15/5/1997	Kinh tế vi mô	K49TTMKT	HL	974658311		3	795.000			
289	Nguyễn Thái Quan	26/7/1997	Kinh tế vi mô	K47HDDL	HL	1215602417		3	795.000			
290	Vũ Đoan Trang	21/11/1992	Kinh tế vi mô	K47HDDL	HL	1683790201		3	795.000			
291	Đỗ Hoàng Oanh	19/2/1995	Kinh tế vi mô	K47QTKD	HL	1645226046		3	795.000			
292	Nguyễn Thị Thùy Linh	1/9/1995	Kinh tế vi mô	K47TCSK	HL	969231229		3	795.000			
293	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Kinh tế vi mô	K47TMĐT	CT	1202576586		3	795.000			
294	Phạm Thị Kim Anh	28/2/1995	Kinh tế vi mô	K48HDDL	HL	166666255	18/5	3	795.000			
295	Lê Quốc Linh	5/11/1995	Kinh tế vi mô	K48HDDL	HL	1287784241		3	795.000			
296	Phan Thị An Phú	15/8/1996	Kinh tế vi mô	K48HDDL	HL	969016461		3	795.000			
297	Mai Sơn	10/5/1996	Kinh tế vi mô	K48HDDL	HL	988642344		3	795.000			
298	Võ Thị Cẩm Duyên	24/2/1996	Kinh tế vi mô	K48KTDL	CT	978184359		3	795.000			
299	Hoàng Thị Lan Nhi	17/12/1996	Kinh tế vi mô	K48KTDL	CT	1628816225		3	795.000			
300	Phạm Thị Tý	17/7/1995	Kinh tế vi mô	K48KTDL	HL	1639681085		3	795.000			
301	Hoàng Đỗ Tuyết Vân		Kinh tế vi mô	K48KTDL	HL			3	795.000			
302	Hoàng Đỗ Tuyết Vân	20/6/1995	Kinh tế vi mô	K48KTDL	HL	935103604		3	795.000			
303	A Bền	7/6/1989	Kinh tế vi mô	K48QHCC	HL	1662827041		3	795.000			
304	Võ Thị Minh Trang	28/8/1996	Kinh tế vi mô	K48QHCC	HL	935722937		3	795.000			
305	Mai Thị Nguyệt	1/8/1995	Kinh tế vi mô	K48QLLH1	HL	1659176867		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
306	Đoàn Thị Trang	18/7/1996	Kinh tế vĩ mô	K48QLLH1	HL	1644843177		3	795.000			
307	Lê Thị Thùy Nhiên	21/9/1996	Kinh tế vĩ mô	K48TCSK	HL		18/5	3	795.000			
308	Ngô Thị Thanh	20/4/1996	Kinh tế vĩ mô	K48TCSK	HL	1265390084	18/5	3	795.000			
309	Nguyễn Thị Diễm Thi	21/11/1996	Kinh tế vĩ mô	K48TCSK	HL	1264438055		3	795.000			
310	Nguyễn Thị Thúy Vy	20/10/1996	Kinh tế vĩ mô	K48TCSK	HL	1262588172		3	795.000			
311	Ngô Bảo Chung	9/9/1995	Kinh tế vĩ mô	K48TMĐT	HL	968094731		3	795.000			
312	Nguyễn Thị Sen	5/6/1996	Kinh tế vĩ mô	K48TMĐT	HL	1652772218		3	795.000			
313	Phan Như Quỳnh	27/4/1995	Kinh tế vĩ mô	K48TTMKT	HL	1685010157	17/5	3	795.000			
314	Nguyễn Thị Tường Vân	28/7/1995	Kinh tế vĩ mô	K48TTMKT	HL	983568037		3	795.000			
315	Nguyễn Ngọc Anh	28/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	935567311		3	795.000			
316	Đỗ Văn Minh Chính	29/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1205976960		3	795.000			
317	Phan Thanh Đức	12/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1625528555		3	795.000			
318	Lê Hoàng Đức	10/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1646774526		3	795.000			
319	Tạ Vinh Hà	23/7/1996	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1272172602	18/5	3	795.000			
320	Hà Thị Tuyết Hậu	12/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	965962511		3	795.000			
321	Văn Thị Hiền	1/8/1996	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	962353387		3	795.000			
322	Nguyễn Ngọc Hoàng	18/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	967664194		3	795.000			
323	Lê Xuân Hùng	2/6/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1678415611		3	795.000			
324	Nguyễn Trần Xuân Hương	5/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	932536606		3	795.000			
325	Thái Quang Khanh	12/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	935485314		3	795.000			
326	Lê Thị Mỹ Linh	24/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1222941200		3	795.000			
327	Trần Quang Minh	18/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL			3	795.000			
328	Đào Văn Năm	2/5/1998	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	971843595		3	795.000			
329	Hoàng Thị Nhân	3/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	966484702		3	795.000			
330	Nguyễn Thị Thục Oanh	17/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1664842516		3	795.000			
331	Nguyễn Văn Phi	17/10/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1696351646		3	795.000			
332	Lê Thị Thúy Phương	22/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	935931029		3	795.000			
333	Lê Văn Phương	17/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL			3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
334	Lê Tân Quang	28/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1685983499		3	795.000			
335	Nguyễn Thị Quý	5/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	972253197		3	795.000			
336	Hồ Phú Sỹ	3/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	962224303		3	795.000			
337	Phan Tám	8/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	969356580		3	795.000			
338	Nguyễn Cửu Thị Tâm	17/6/1996	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	981116896		3	795.000			
339	Nguyễn Thị Minh Thâu	29/10/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1654596462		3	795.000			
340	Nguyễn Thị Thoa	7/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1653040371		3	795.000			
341	Hoàng Thị Thùy	1/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1665249650		3	795.000			
342	Nguyễn Thị Thủy	6/6/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1676321184		3	795.000			
343	Nguyễn Văn Tuấn	18/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49HDDL	HL	1679743903		3	795.000			
344	Trần Thị Vũ Hà	1/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49KTDL	HL	1287486332		3	795.000			
345	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49KTDL	HL	1643348660		3	795.000			
346	Huỳnh Thị Hiền	20/5/1996	Kinh tế vĩ mô	K49KTDL	HL	1283303295		3	795.000			
347	Nguyễn Thị Bình Nhi	5/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49KTDL	HL	1667553834		3	795.000			
348	Võ Quang Dinh	15/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	964772695		3	795.000			
349	Nguyễn Cửu Hoài Đức	10/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1659030248		3	795.000			
350	Lê Văn Đức	6/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	CT	1297353709		3	795.000			
351	Đặng Hương	20/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	971537493		3	795.000			
352	Trần Nhã Kỳ	21/11/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1213666682		3	795.000			
353	Lê Văn Lang	2/1/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	981874807		3	795.000			
354	Nguyễn Thị Mê Lin	1/10/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	935164507		3	795.000			
355	Trần Ninh Ngọc	20/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1693372300	18/5	3	795.000			
356	Phan Thị Thục Nguyễn	7/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1658006800	18/5	3	795.000			
357	Hoàng Thị Nhung	2/6/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1225578118		3	795.000			
358	Phan Hữu Niên	6/10/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1636399975	18/5	3	795.000			
359	Nguyễn Thị Ánh Sao	22/10/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	979001164		3	795.000			
360	Võ Thị Thanh	19/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	961391894		3	795.000			
361	Hoàng Thị Thiên Thanh	30/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1263035600		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
362	Trần Thị Anh Thu	21/7/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1626928422		3	795.000			
363	Đinh Thị Thúy	18/5/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	CT	1235235297		3	795.000			
364	Phạm Thị Ngọc Trâm	10/7/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	971826993		3	795.000			
365	Lê Thị Thanh Tuyền	16/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH1	HL	1686021316		3	795.000			
366	Trương Thị Kim Anh	27/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	981536197		3	795.000			
367	Nguyễn Thị Hương Giang	20/9/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1276551077		3	795.000			
368	Lê Thị Bình Ly	26/6/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1633413627		3	795.000			
369	Nguyễn Thùy Mai	3/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1656393406		3	795.000			
370	Nguyễn Thị Huyền Nhi	7/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1269953240		3	795.000			
371	Nguyễn Thị Như	15/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL			3	795.000			
372	Hồ Thị Hồng Nhung	22/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	971419095		3	795.000			
373	Đặng Vũ Minh Phương	8/3/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1223554941		3	795.000			
374	Phan Thị Phương	17/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1677743665		3	795.000			
375	Trần Thị Phương	9/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1297751900		3	795.000			
376	Nguyễn Dương Quỳnh	8/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1659181901		3	795.000			
377	Lê Thị Minh Tâm	19/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1634447310		3	795.000			
378	Nguyễn Xuân Thắng	12/7/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	977561650		3	795.000			
379	Hồ Thị Thanh Thanh	2/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1669861034		3	795.000			
380	Hoàng Thị Anh Thảo	14/10/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1262519817		3	795.000			
381	Nguyễn Thị Thu	15/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1654566882		3	795.000			
382	Trần Thị Thu	10/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	961019492		3	795.000			
383	Hoàng Thị Kim Thúy	16/6/1995	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1638767359		3	795.000			
384	Trần Thị Thu Thủy	27/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1227574357		3	795.000			
385	Phan Thị Đoan Trang	16/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	979639641		3	795.000			
386	Nguyễn Thị Trinh	20/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1205687297		3	795.000			
387	Lê Thị Trúc	19/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1202722759		3	795.000			
388	Mai Thị Tuyền	10/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL	1694603884		3	795.000			
389	Thắm Thị Thanh Uyên	2/9/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	HL			3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
390	Trịnh Thanh Vy	27/5/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH2	CT	1252982788		3	795.000			
391	Bùi Thanh Hà	2/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	935208609		3	795.000			
392	Trần Thị Hồng Nhi	26/1/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	969037651		3	795.000			
393	Huỳnh Thị Thùy Nhiên	14/11/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	981080057		3	795.000			
394	Trần Quốc	5/4/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	869286351	18/8	3	795.000			
395	Trần Thị Quý	14/10/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	985855206		3	795.000			
396	Trương Thị Ngọc Quyên	2/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	CT	1863917010		3	795.000			
397	Trần Như Quỳnh	2/2/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1699229759		3	795.000			
398	Nguyễn Thị Thanh	19/7/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1293665780		3	795.000			
399	Hồ Thanh Thanh	1/11/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL			3	795.000			
400	Lê Thị Thảo	6/11/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	965707358		3	795.000			
401	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1247070497		3	795.000			
402	Nguyễn Thị Thuý	1/8/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	964928817	19/5	3	795.000			
403	Ngô Thị Thu Trâm	25/2/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1639518817	19/5	3	795.000			
404	Nguyễn Thị Vân	1/12/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1699382217		3	795.000			
405	Nguyễn Thị Như Ý	20/2/1995	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	CT	1657561540		3	795.000			
406	Huỳnh Thị Ngọc Yến	2/5/1996	Kinh tế vĩ mô	K49QLLH3	HL	1283203005		3	795.000			
407	Trần Thị Ngọc Hằng	01/7/1997	Kinh tế vĩ mô	K49QTKD	HL	1216655281	18/5	3	795.000			
408	Phạm Cao Liên Công	1992	Kinh tế vĩ mô	K49TMDT	HL	1224599194		3	795.000			
409	Nguyễn Thị Kiều Ngân	28/8/1996	Kinh tế vĩ mô	K50KTDL	CT	935300632		3	795.000			
410	Lê Thị Minh Nguyệt	3/1/1996	Kỹ năng giao tiếp	K48HDDL	HL	1658006524		2	3,600.000			
411	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	Kỹ năng hoạt náo trong DL	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	2	3,600.000			
412	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	Lễ tân ngoại giao	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	2	3,600.000			
413	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Mạng máy tính &I	K47TMDT	HL	1262525810		2	3,600.000			
414	Nguyễn Thị Sen	5/6/1996	Marketing căn bản	K48TMDT	HL	1652772218		3	5,700.000			
415	Nguyễn Châu Thảo	25/9/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K47KTDL	CT	963018298		3	795.000			
416	Nguyễn Thanh Thủy	27/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K47QHCC	CT	1204065305		3	795.000			
417	Nguyễn Hồng Phương	18/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48HDDL	HL	1645238977		3	2,850.000			

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
418	Lê Thị Thanh	Tâm	30/3/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48HDDL	HL		22/5	3	2,850.000			
419	Trần Thị Thu	Hà	5/10/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT	164246135		3	795.000			
420	Hồ Thị Kim	Nam	18/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1264765388		3	795.000			
421	Võ Thị Bảo	Ngân	11/3/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT	1264599719		3	795.000			
422	Trần Thị Như	Ngọc	13/10/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1269807660	19/5	3	795.000			
423	Đoàn Thị Cẩm	Nhàn	19/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1644647435		3	795.000			
424	Trần Phước Trọng	Nhân	27/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	938634534	17/5	3	795.000			
425	Hoàng Thị Lan	Nhi	17/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT	1628816225		3	795.000			
426	Phan Trần Nhật	Nhung	17/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1229418005		3	795.000			
427	Đỗ Thị Hồng	Nhung	30/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT	1646072530		3	795.000			
428	Hồ Thị	Oanh		Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1268046723		3	795.000			
429	Châu Thị Như	Quỳnh	4/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1222418558	17/5	3	795.000			
430	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	24/2/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	936634534	17/5	3	795.000			
431	Nguyễn Thị	Tâm	9/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	932356708		3	795.000			
432	Võ Thị Hồng	Thắm	14/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT			3	795.000			
433	Đặng Thị Thu	Thúy	12/1/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1203906290		3	795.000			
434	Lê Thị Quỳnh	Tiên	29/6/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	905629391		3	795.000			
435	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	CT	903583003		3	795.000			
436	Dương Thị Diệu	Phương	13/3/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48TCSK	HL	935403014		3	795.000			
437	Lê Thị Minh	Nga	1/2/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K49KTDL	HL	973220739		3	795.000			
438	Lê Diên	Thành	30/3/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành	K48KTDL	HL	1219333344		3	795.000			
439	Trương Thị Vinh	Huyền	7/1/1995	Nguyên lý kế toán	K47QHCC	HL			3	795.000			
440	Nguyễn Thanh	Thúy	27/2/1995	Nguyên lý kế toán	K47QHCC	CT	1204065305		3	795.000			
441	Lê Bá	Cẩn	25/1/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1667553336		3	795.000			
442	Trần Thị	Hải	5/2/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1626364223		3	795.000			
443	Hồ Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1654632652		3	795.000			
444	Nguyễn Thị Phương	Thảo	6/4/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1214260651		3	795.000			
445	Lê Công Bá	Thiện	2/1/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1284485007		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
446	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/12/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1216909749		3	795.000			
447	Nguyễn Thị Túy	18/10/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1205428140		3	795.000			
448	Hoàng Mỹ ý	1/2/1996	Nguyên lý kế toán	K48HDDL	HL	1226873550		3	795.000			
449	Chu Duy Thật	25/6/1997	Nguyên lý kế toán	K49QLLH1	HL	985838637		3	795.000			
450	Nguyễn Thị Thanh	19/7/1996	Nguyên lý kế toán	K49QLLH3	HL	1293665780		3	795.000			
451	Hồ Thanh Thanh	1/11/1996	Nguyên lý kế toán	K49QLLH3	HL			3	795.000			
452	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	Nguyên lý TKKT	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	3	795.000			
453	Nguyễn Văn Ánh	7/4/1992	Nguyên lý TKKT	K46TMĐT	HL			3	795.000			
454	Nguyễn Võ Kim Anh	24/2/1995	Nguyên lý TKKT	K47QHCC	HL	1215139391	16/5	3	795.000			
455	Trần Đức Nguyên Bảo	7/10/1995	Nguyên lý TKKT	K47QHCC	CT	905975830		3	795.000			
456	Trương Thị Vinh Huyền	7/1/1995	Nguyên lý TKKT	K47QHCC	HL			3	795.000			
457	Trần Thị Kim Thúy	01/3/1995	Nguyên lý TKKT	K47QHCC	HL	1689713551	16/5	3	795.000			
458	Nguyễn Thanh Thủy	27/2/1995	Nguyên lý TKKT	K47QHCC	CT	1204065305		3	795.000			
459	Diệp Thị Thiên Trang	12/5/1994	Nguyên lý TKKT	K47QLLH	HL	1208462743		3	795.000			
460	Huỳnh Thị Hoàng Anh	4/6/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	HL	1204014830		3	795.000			
461	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	CT	1202576586		3	795.000			
462	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	HL	1202576131		3	795.000			
463	Trần Nguyễn Đại Dương	15/10/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	HL	1696752030		3	795.000			
464	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	HL	1262525810		3	795.000			
465	Nguyễn Ngọc Hương	16/8/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	HL	1262665430		3	795.000			
466	Lê Đình Phương Nhi	29/11/1995	Nguyên lý TKKT	K47TMĐT	CT	1229436732		3	795.000			
467	Trần Thị Hải	5/2/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1626364223		3	795.000			
468	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/2/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	935535138		3	795.000			
469	Nguyễn Thị Trà Ny	1/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1262712298		3	795.000			
470	Trần Tấn Phi	10/3/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1683923309		3	795.000			
471	Phan Thị An Phú	15/8/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	969016461		3	795.000			
472	Phạm Thị Phương	20/11/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	988413891		3	795.000			
473	Nguyễn Thị Quyên	7/4/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1648499878	22/5	3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
474	Mai Son	10/5/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	988642344		3	795.000			
475	Trần Đình Thắng	20/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1672270227		3	795.000			
476	Hoàng Mỹ ý	1/2/1996	Nguyên lý TKKT	K48HDDL	HL	1226873550		3	795.000			
477	Trần Thị Thu Hiền	20/3/1996	Nguyên lý TKKT	K48KTDL		1222425275		3	795.000			
478	Nguyễn Thị Khánh Ly	23/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48KTDL	HL	1222416821		3	795.000			
479	Châu Thị Như Quỳnh	4/6/1996	Nguyên lý TKKT	K48KTDL	HL	1222418558	17/5	3	795.000			
480	Lê Thị Quỳnh Tiên	29/6/1996	Nguyên lý TKKT	K48KTDL	HL	905629391		3	795.000			
481	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/7/1995	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL			3	795.000			
482	Lê Thị Bích Ngân	3/5/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	898228154		3	795.000			
483	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/4/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	1229489958		3	795.000			
484	Lê Thanh Nhi	16/7/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	1203833218		3	795.000			
485	Hồ Thị Linh Nhi	7/12/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	1225724823		3	795.000			
486	Trần Thị Anh Phương	2/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	935197810		3	795.000			
487	Trần Thị Thanh Thu	26/2/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	965134438		3	795.000			
488	Võ Thị Minh Trang	28/8/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	935722937		3	795.000			
489	Nguyễn Thị Lan Vi	16/5/1995	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	973936746		3	795.000			
490	Hồ Thị Lộc	25/10/1995	Nguyên lý TKKT	K48QLLH1	HL	969005927		3	795.000			
491	Mai Thị Nguyệt	1/8/1995	Nguyên lý TKKT	K48QLLH1	HL	1659176867		3	795.000			
492	Trần Thị Chuyền	10/9/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	1673118436		3	795.000			
493	Hồ Thị Ngọc Hương	20/11/1995	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	964565673		3	795.000			
494	Đặng Thị Lành	4/10/1995	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	935523451		3	795.000			
495	Nguyễn Thị Lòi	20/7/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	968486612		3	795.000			
496	Hồ Thị Mùi	2/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	973257925		3	795.000			
497	Lê Thị My	12/5/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	1202404909		3	795.000			
498	Trần Thị Quỳnh Nhi	3/1/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	1697803255		3	795.000			
499	Nguyễn Văn Phùng	12/8/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	1632467292		3	795.000			
500	Phạm Thị Mỹ Phương	25/11/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2		969779706		3	795.000			
501	Phan Thị Trà	13/12/1996	Nguyên lý TKKT	K48QLLH2	HL	967477144	22/5	3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
502	Trương Thúy Hà	26/11/1996	Nguyên lý TKKT	K48TCSK	HL	1626174428		3	795.000			
503	Hoàng Thị Thu Hà	13/8/1995	Nguyên lý TKKT	K48TCSK	CT	1663949045		3	795.000			
504	Nguyễn Thị Tố Nhi	14/10/1996	Nguyên lý TKKT	K48TCSK	HL	1226208275		3	795.000			
505	Lê Thị Thùy Nhiên	21/9/1996	Nguyên lý TKKT	K48TCSK	HL		18/5	3	795.000			
506	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Nhập môn DLDT	K47TMĐT	HL	1262525810		3	2,850.000			
507	Nguyễn Gia Toàn	7/1/1995	Nhập môn DLDT	K47TMĐT	HL	1262499540		3	2,850.000			
508	Nguyễn Thị Việt Nga	23/4/1995	Nhập môn QHCC	K47QHCC	HL	935411605		2	600.000			
509	Phạm Đình Sang	20/1/1995	Nhập môn QHCC	K47QHCC	HL	931410223		2	600.000			
510	Nguyễn Gia Toàn	7/1/1995	Nhập môn QHCC	K47TMĐT	HL	1262499540		2	600.000			
511	Nguyễn Mậu Nhất	6/3/1995	Nhập môn QHCC	K48TCSK	HL	1292710057		2	600.000			
512	Nguyễn Thị Nhật Hạ	2/6/1996	Nhập môn QHCC	K48TTMKT	HL	1286229770		2	600.000			
513	Lê Thị Kim Phụng	18/4/1997	Nhập môn QHCC	K49QTKD	HL	935275260		2	600.000			
514	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	NVHDDL2	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	3	5,700.000			
515	Võ Thị Cẩm Duyên	24/2/1996	Pháp luật đại cương	K48KTDL	CT	978184359		2	530.000			
516	Đỗ Thị Hồng Nhung	30/1/1996	Pháp luật đại cương	K48KTDL	CT	1646072530		2	530.000			
517	Hoàng Đỗ Tuyết Vân		Pháp luật đại cương	K48KTDL	HL			2	530.000			
518	Hoàng Đỗ Tuyết Vân	20/6/1995	Pháp luật đại cương	K48KTDL	HL	935103604		2	530.000			
519	Đặng Thị Bích Chi	27/6/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL	898228154		2	530.000			
520	Trần Thị Anh Phương	2/1/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL	935197810		2	530.000			
521	Nguyễn Thị Lan Vi	16/5/1995	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL	973936746		2	530.000			
522	Hồ Thị Thanh Hiền	2/12/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	HL	966424910		2	530.000			
523	Lê Thị Ngọc Huyền	7/10/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	CT	1219482995		2	530.000			
524	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	CT	905319018	19/5	2	530.000			
525	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/3/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	CT	1208090068		2	530.000			
526	Nguyễn Đình Tâm	5/11/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	HL	1626197465		2	530.000			
527	Nguyễn Thị Diễm Thi	21/11/1996	Pháp luật đại cương	K48TCSK	HL	1264438055		2	530.000			
528	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Pháp luật đại cương	K48TMĐT	CT	1688943164		2	530.000			
529	Nguyễn Văn Huy	10/2/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	HL	1262719827		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
530	Nguyễn Đức Phúc	21/7/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	HL	1628111472	17/5	2	530.000			
531	Bùi Nha Trang	14/6/1996	Pháp luật đại cương	K48TTMKT	HL	1683344515		2	530.000			
532	Trần Đức Anh Kiệt	21/3/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1667458581		2	530.000			
533	Trương Thị Tuyết Nhi	3/3/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1223560803		2	530.000			
534	Nguyễn Thị Hà Nhi	28/7/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1659393125		2	530.000			
535	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	29/11/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1202730467		2	530.000			
536	Phạm Bùi Như Quỳnh	29/1/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1226733704		2	530.000			
537	Trần Anh Thư	13/10/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1626126266		2	530.000			
538	Ngô Thị Thùy Trang	17/8/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	1627006000		2	530.000			
539	Nguyễn Đặng Thị Th Trang	8/1/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL	963087433		2	530.000			
540	Nguyễn Thục Trinh	3/12/1996	Pháp luật đại cương	K49KTDL	HL			2	530.000			
541	Kiều Thị Tường Vy	27/4/1997	Pháp luật đại cương	K49KTDL	CT	963088765		2	530.000			
542	Võ Kiều Danh	6/10/1997	Pháp luật đại cương	K49QHCC	HL	976616299		2	530.000			
543	Phạm Thị Thanh Hằng	9/3/1997	Pháp luật đại cương	K49QHCC	HL	1675905569		2	530.000			
544	Đặng Nguyễn Hữu Nghĩa	20/8/1996	Pháp luật đại cương	K49QHCC	HL			2	530.000			
545	Lê Thị Thu Thùy	5/7/1997	Pháp luật đại cương	K49QHCC	HL	1215566465		2	530.000			
546	Trương Thị Phương Anh	16/4/1997	Pháp luật đại cương	K49QLLH1	HL	1206087929		2	530.000			
547	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/5/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	935728410		2	530.000			
548	Nguyễn Thị Hoàng Luyện	02/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	1668380433		2	530.000			
549	Lê Thị Thảo Ngân	16/9/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	1669991609	24/5	2	530.000			
550	Nguyễn Quỳnh Thư	30/7/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	1205426174		2	530.000			
551	Trần Thị Thủy	22/10/1996	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	947452278		2	530.000			
552	Lê Trung Tiến	1/2/1997	Pháp luật đại cương	K49TCSK	HL	972425988		2	530.000			
553	Trần Thị Ngọc Ánh	14/2/1997	Pháp luật đại cương	K49TMĐT	HL	1267762325		2	530.000			
554	Lê Thị Thanh Giàu	27/6/1997	Pháp luật đại cương	K49TMĐT	HL	1664267379		2	530.000			
555	Ngô Thị Mỹ	30/11/1997	Pháp luật đại cương	K49TMĐT	HL	1636359761	19/5	2	530.000			
556	Trương Thị Trinh	19/2/1997	Pháp luật đại cương	K49TMĐT	HL	1683308612		2	530.000			
557	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1/3/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1639238128		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
558	Hà Thúc Phương Hạnh	1/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1284926580		2	530.000			
559	Võ Thị Đức Kiều	20/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1224579696		2	530.000			
560	Đặng Thị Hồng Nga	11/6/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1658199042		2	530.000			
561	Đặng Thị Mỹ Nguyệt	23/1/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1202304169		2	530.000			
562	Trần Thị Minh Phương	30/8/1997	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	906436403		2	530.000			
563	Cảnh Vân Tôn Nữ A Thy	2/10/1996	Pháp luật đại cương	K49TTMKT	HL	1206242069		2	530.000			
564	Nguyễn Thị Kiều Ngân	28/8/1996	Pháp luật đại cương	K50KTDL	CT	935300632		2	530.000			
565	Lương Mỹ Linh	21/7/1995	Quản trị chiến lược	K47QHCC	CT	1268587795		3	1,140.000			
566	Nguyễn Thị Việt Nga	23/4/1995	Quản trị chiến lược	K47QHCC	HL	935411605		3	1,140.000			
567	Nguyễn Thanh Thủy	27/2/1995	Quản trị chiến lược	K47QHCC	CT	1204065305		3	1,140.000			
568	Hồng Thị Kim Anh	15/8/1996	Quản trị chiến lược	K48QTKDDL	HL	989004137		3	1,140.000			
569	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	13/6/1996	Quản trị chiến lược	K48QTKDDL	HL	1263675667		3	1,140.000			
570	Lê Đình Phương Nhi	29/11/1995	Quản trị học	K47TMĐT	CT	1229436732		3	1,440.000			
571	Lê Công Bá Thiện	2/1/1996	Quản trị học	K48HDDL	HL	1284485007		3	1,440.000			
572	Phan Thị Thắm	13/11/1996	Quản trị học	K48QLLH1	CT	989863108		3	1,440.000			
573	Nguyễn Thị Kiều Nhi	20/1/1995	Quản trị học	K48TTMKT	HL	1222567256	16/5	3	1,440.000			
574	Trần Đức Nguyên Bảo	7/10/1995	Quản trị nhân lực	K47QHCC	CT	905975830		3	795.000			
575	Phạm Đình Sang	20/1/1995	Quản trị nhân lực	K47QHCC	HL	931410223		3	795.000			
576	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Quản trị nhân lực	K47TMĐT	CT	1202576586		3	795.000			
577	Võ Thị Thu Hiền	3/6/1995	Quản trị nhân lực	K47TMĐT	CT	1699237299		3	795.000			
578	Ngô Thị Hương	20/11/1994	Quản trị nhân lực	K47TMĐT	HL	965420461	18/5	3	795.000			
579	Phan Trần Nhật Nhung	17/6/1996	Quản trị nhân lực	K48KTDL	HL	1229418005		3	795.000			
580	Đặng Thị Thu Thúy	12/1/1996	Quản trị nhân lực	K48KTDL	HL	1203906290		3	795.000			
581	Trương Thúy Hà	26/11/1996	Quản trị nhân lực	K48TCSK	HL	1626174428		3	795.000			
582	Dương Thị Bích Trâm	20/8/1996	Quản trị nhân lực	K48TCSK	CT	1269729475		3	795.000			
583	Huỳnh Thái Uyên	12/12/1996	Quản trị nhân lực	K48TCSK	HL	932585763		3	795.000			
584	Nguyễn Thị Nhật Linh	19/8/1996	Quản trị nhân lực	K48TTMKT	HL			3	795.000			
585	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/12/1996	Quản trị nhân lực	K48TTMKT	CT	973030769		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
586	Nguyễn Thanh Thủy	27/2/1995	Quản trị tài chính	K47QHCC	CT	1204065305		3	795.000			
587	Ngô Quỳnh An	25/4/1996	Quản trị tài chính	K47TMĐT	HL			3	795.000			
588	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Quản trị tài chính	K47TMĐT	CT	1202576586		3	795.000			
589	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	Quản trị tài chính	K47TMĐT	CT	1202576131		3	795.000			
590	Trần Nguyễn Đại Dương	15/10/1995	Quản trị tài chính	K47TMĐT	HL	1696752030		3	795.000			
591	Võ Thị Thu Hiền	3/6/1995	Quản trị tài chính	K47TMĐT	CT	1699237299		3	795.000			
592	Lương Phan Minh Quý	8/12/1995	Quản trị tài chính	K47TMĐT	HL	1205913162	18/5	3	795.000			
593	Lê Đức Nhân	11/8/1994	Quản trị tài chính	K47TTMKT	CT	963857103		3	795.000			
594	Trương Xuân Hồng	6/3/1996	Quản trị tài chính	K48QHCC	HL	1284209189		3	795.000			
595	Nguyễn Đức Phúc	21/7/1996	Quản trị tài chính	K48TTMKT	HL	1628111472	17/5	3	795.000			
596	Lê Nhật Quang	30/3/1996	Quản trị tài chính	K48TTMKT	HL	1667974357		3	795.000			
597	Phan Như Quỳnh	27/4/1995	Quản trị tài chính	K48TTMKT	HL	1685010157	17/5	3	795.000			
598	Nguyễn Sỹ Tài	5/6/1996	Quản trị tài chính	K48TTMKT	CT	1222460909		3	795.000			
599	Châu Thị Như Quỳnh	4/6/1996	Tâm lý đại cương	K48KTDL	HL	1222418558	17/5	2	530.000			
600	Lê Phước Phi Luyt	10/10/1992	Tâm lý đại cương	K48QHCC	HL	937207995		2	530.000			
601	Trương Thảo My	22/5/1996	Tâm lý đại cương	K48QHCC	HL	1269988862		2	530.000			
602	Ngô Thị Duyên	11/3/1996	Tâm lý đại cương	K48QLLH2	CT	1662230461		2	530.000			
603	Hồ Thị Thanh Hiền	2/12/1996	Tâm lý đại cương	K48TCSK	HL	966424910		2	530.000			
604	Trần Thị Lam	1/3/1996	Tâm lý đại cương	K48TCSK	CT	935307388		2	530.000			
605	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/3/1996	Tâm lý đại cương	K48TCSK	CT	1208090068		2	530.000			
606	Nguyễn Mậu Nhật	6/3/1995	Tâm lý đại cương	K48TCSK	HL	1292710057		2	530.000			
607	Lê Thị Yến Nhi	30/4/1995	Tâm lý đại cương	K48TCSK	CT	1225358800		2	530.000			
608	Trần Ngọc Bích Tuyền	3/10/1996	Tâm lý đại cương	K48TCSK	CT	1667398393		2	530.000			
609	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Tâm lý đại cương	K48TMĐT	CT	1688943164		2	530.000			
610	Nguyễn Đức Phúc	21/7/1996	Tâm lý đại cương	K48TTMKT	HL	1628111472	17/5	2	530.000			
611	Huỳnh Thị Hiền	20/5/1996	Tâm lý đại cương	K49KTDL	HL	1283303295		2	530.000			
612	Nguyễn Thị Thanh Thúy	5/6/1997	Tâm lý đại cương	K49KTDL	HL	1676843680		2	530.000			
613	Lê Thị Hồng Hạnh	19/8/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	905130533		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
614	Đặng Thị Ngà	4/11/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	1205121140		2	530.000			
615	Đỗ Lê Nhật Quang	7/12/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	1224194971		2	530.000			
616	Lê Thị Thu Thủy	5/7/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	1215566465		2	530.000			
617	Lê Thị Trang	2/3/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	1226204757		2	530.000			
618	Nguyễn Thị Cẩm Tú	6/6/1997	Tâm lý đại cương	K49QHCC	HL	1213514882		2	530.000			
619	Đoàn Vĩnh Phước	17/6/1997	Tâm lý đại cương	K49QLLH3	HL	1282281827		2	530.000			
620	Trần Thị Tố Trinh	01/5/1997	Tâm lý đại cương	K49QTKD	CT	1674904594		2	530.000			
621	Lê Thị Quỳnh Vân	1/2/1997	Tâm lý đại cương	K49QTKD	HL	1202483897		2	530.000			
622	Bùi Thị Quỳnh An	27/4/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	HL	971952196	22/5	2	530.000			
623	Bùi Thị Thu Hiền	20/11/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	HL	1698159025		2	530.000			
624	Đỗ Trung Kiên	25/12/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	HL	1216751825		2	530.000			
625	Lê Thị Thảo Ngân	16/9/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	HL	1669991609	24/5	2	530.000			
626	Trần Lê Hoài Như	30/10/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	CT	1676456650		2	530.000			
627	Lê Trung Tiến	1/2/1997	Tâm lý đại cương	K49TCSK	HL	972425988		2	530.000			
628	Lê Thị Thanh Giàu	27/6/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	HL	1664267379		2	530.000			
629	Ngô Thị Mỹ	30/11/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	HL	1636359761	19/5	2	530.000			
630	Lê Thị Trang	26/12/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	HL	1287129843		2	530.000			
631	Nguyễn Xuân Minh Tuấn	9/5/1997	Tâm lý đại cương	K49TMĐT	HL	1247777252		2	530.000			
632	Hà Thúc Phương Hạnh	1/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1284926580		2	530.000			
633	Võ Thị Hương	6/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1219384897		2	530.000			
634	Đặng Thị Mỹ Nguyệt	23/1/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1202304169		2	530.000			
635	Hoàng Nhật Thái	13/5/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	898866445		2	530.000			
636	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	2	530.000			
637	Cảnh Vân Tôn Nữ A Thy	2/10/1996	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1206242069		2	530.000			
638	Lê Thị Minh Trang	24/12/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1667426629		2	530.000			
639	Nguyễn Thị Kim Xuân	13/2/1997	Tâm lý đại cương	K49TTMKT	HL	1288026084		2	530.000			
640	Lê Thanh Đạt	26/5/1996	Tâm lý đại cương	K50QTDVDLLHC	CT	1634255577		2	530.000			
641	Nguyễn Thị Hương	27/5/1998	Tâm lý đại cương	K50QTDVDLLHC	HL	1669571252		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
642	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	Thống kê DL	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	2	3.600.000			
643	Nguyễn Thanh Thủy	27/2/1995	Tin học đại cương	K47QHCC	CT	1204065305		3	795.000			
644	Nguyễn Thị Ty	16/4/1995	Tin học đại cương	K47QHCC	HL	978721432	16/5	3	795.000			
645	Lê Đình Phương Nhi	29/11/1995	Tin học đại cương	K47TMĐT	CT	1229436732		3	795.000			
646	Trần Thị Ngọc Oanh	2/11/1995	Tin học đại cương	K47TMĐT	CT	1687959006		3	795.000			
647	Đỗ Thị Hồng Nhung	30/1/1996	Tin học đại cương	K48KTDL	CT	1646072530		3	795.000			
648	Lê Thị Quỳnh Tiên	29/6/1996	Tin học đại cương	K48KTDL	HL	905629391		3	795.000			
649	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	Tin học đại cương	K48TCSK	CT	905319018	19/5	3	795.000			
650	Trần Thị Cẩm Anh	21/11/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1266800798		3	795.000			
651	Nguyễn Thị Bông	10/6/1995	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	905975956		3	795.000			
652	Nguyễn Thị Gấm	6/10/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1659945640		3	795.000			
653	Nguyễn Đức Hậu	20/3/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1694582101		3	795.000			
654	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/1/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT			3	795.000			
655	Văn Khánh Linh	1/9/1995	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1699270630		3	795.000			
656	Châu Hồ Bích Ngân	21/2/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1219618701		3	795.000			
657	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/12/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	973030769		3	795.000			
658	Phan Thị Quỳnh Như	2/12/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	905741419		3	795.000			
659	Mai Thị Thu Phương	28/2/1995	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	1677820879		3	795.000			
660	Lê Thị Thảo	16/4/1996	Tin học đại cương	K48TTMKT	CT	964793565		3	795.000			
661	Văn Đức Hưng	1/5/1998	Tin học đại cương	K50QTKDB	HL	1203693562		3	795.000			
662	Trần Thị Thu Thảo	15/7/1998	Tin học đại cương	K50QTKDB	HL	1634651855		3	795.000			
663	Phạm Thị Hoài Mơ	20/5/1993	Toán C1	K46HDDL	HL	1287552005	19/5	2	530.000			
664	Hà Phi	29/1/1993	Toán C1	K47TMĐT	CT	962342300		2	530.000			
665	Lê Quốc Linh	5/11/1995	Toán C1	K48HDDL	HL	1287784241		2	530.000			
666	Phan Thị Thúy Nga	12/5/1996	Toán C1	K48HDDL	HL	906451949		2	530.000			
667	A Bền	7/6/1989	Toán C1	K48QHCC	HL	1662827041		2	530.000			
668	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	Toán C1	K48QHCC	HL	986450676		2	530.000			
669	Hồ Thị Lộc	25/10/1995	Toán C1	K48QLLH1	HL	969005927		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
670	Trần Thị Khánh Linh	15/2/1996	Toán C1	K48QLLH2	HL	935042409		2	530.000			
671	Nguyễn Mỹ Bảo Hưng	24/9/1996	Toán C1	K48QTKDDL	HL	1265377167		2	530.000			
672	Trịnh Thu Thủy	26/11/1996	Toán C1	K48QTKDDL	HL	1203983155		2	530.000			
673	Hồ Thị Thanh Hiền	2/12/1996	Toán C1	K48TCSK	HL	966424910		2	530.000			
674	Lê Thị Huyền	25/2/1996	Toán C1	K48TTMKT	HL	1687058252		2	530.000			
675	Nguyễn Thị Quý	5/8/1997	Toán C1	K49HDDL	HL	972253197		2	530.000			
676	Nguyễn Văn Tuấn	18/3/1997	Toán C1	K49HDDL	HL	1679743903		2	530.000			
677	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	Toán C1	K49KTDL	HL	1643348660		2	530.000			
678	Nguyễn Thị Thanh Thúy	5/6/1997	Toán C1	K49KTDL	HL	1676843680		2	530.000			
679	Lê Thị Hồng Hạnh	19/8/1997	Toán C1	K49QHCC	HL	905130533		2	530.000			
680	Trương Thị Ngọc Nga	2/9/1997	Toán C1	K49QHCC	HL	1648081202		2	530.000			
681	Bùi Thị Như Ngọc	30/10/1997	Toán C1	K49QHCC	HL	969061229		2	530.000			
682	Lê Văn Đức	6/1/1997	Toán C1	K49QLLH1	CT	1297353709		2	530.000			
683	Nguyễn Thị Thu Hà	10/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	HL	1653208543	18/5	2	530.000			
684	Nguyễn Thị Diệu Huyền	22/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	HL	1659514947		2	530.000			
685	Hoàng Thị Thiên Thanh	30/3/1997	Toán C1	K49QLLH1	HL	1263035600		2	530.000			
686	Đình Thị Thúy	18/5/1997	Toán C1	K49QLLH1	CT	1235235297		2	530.000			
687	Nguyễn Thị Như	15/8/1997	Toán C1	K49QLLH2	HL			2	530.000			
688	Hoàng Thị Kim Thúy	16/6/1995	Toán C1	K49QLLH2	HL	1638767359		2	530.000			
689	Trần Thị Kim Loan	29/9/1997	Toán C1	K49QLLH3	HL	1216655209		2	530.000			
690	Trương Thị Bích Ngọc	17/4/1997	Toán C1	K49QLLH3	HL	945976314		2	530.000			
691	Hồ Thanh Thanh	1/11/1996	Toán C1	K49QLLH3	HL			2	530.000			
692	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Toán C1	K49QLLH3	HL	1247070497		2	530.000			
693	Đặng Thị Như Ý	6/6/1997	Toán C1	K49QLLH3	HL	1666143193		2	530.000			
694	Lê Thị Ly Na	29/9/1997	Toán C1	K49QTKD	HL	984920963		2	530.000			
695	Nguyễn Thị Nhi	10/9/1997	Toán C1	K49QTKD	HL	1298581226		2	530.000			
696	Trần Đức Thành Đạt	6/4/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	905653640		2	530.000			
697	Trương Hoàng Hùng	8/8/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1222451567		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
698	Nguyễn Thị Thùy Linh	5/6/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1639756359		2	530.000			
699	Đinh Nữ Nhật Linh	3/11/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1263262013		2	530.000			
700	Trần Thị Linh	11/10/1997	Toán C1	K49TCSK	HL			2	530.000			
701	Nguyễn Thị Hoàng Luyến	02/1/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1668380433		2	530.000			
702	Trần Thị Khánh Ly	7/9/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1634003594		2	530.000			
703	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/9/1997	Toán C1	K49TCSK	HL	1644783864		2	530.000			
704	Trần Thị Thủy	22/10/1996	Toán C1	K49TCSK	HL	947452278		2	530.000			
705	Đoàn Thị Tố Uyên	13/2/1997	Toán C1	K49TMĐT	HL	1632903621		2	530.000			
706	Nguyễn Thị Hồng Vân	25/2/1997	Toán C1	K49TMĐT	HL	1689392363		2	530.000			
707	Trần Thị Kim Chung	17/3/1997	Toán C1	K49TTMKT	HL	1216600505		2	530.000			
708	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Toán C1	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	2	530.000			
709	Lê Thị Minh Trang	24/12/1997	Toán C1	K49TTMKT	HL	1667426629		2	530.000			
710	Huỳnh Bảo Châu	17/7/1998	Toán C1	K50KTDL	HL	934749043		2	530.000			
711	Đình Xuân Hạ	12/4/1998	Toán C1	K50KTDL	HL	963526391	22/5	2	530.000			
712	Hoàng Thị Diệu Linh	28/10/1998	Toán C1	K50KTDL	HL	1658122672		2	530.000			
713	Lê Hoàng Mỹ Loan	11/5/1997	Toán C1	K50KTDL	HL	1216874445		2	530.000			
714	Nguyễn Thị Nhiên	20/8/1997	Toán C1	K50KTDL	HL	1678716077		2	530.000			
715	Phan Thị Kiều Oanh	9/8/1998	Toán C1	K50KTDL	HL	1625550404		2	530.000			
716	Từ Thị Thu Trâm	1/4/1998	Toán C1	K50KTDL	HL	1656408638		2	530.000			
717	Trần Thị Minh Nguyệt	28/3/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHA	HL	1216260905		2	530.000			
718	Trần Lê Ngọc Ánh	21/1/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	1202704466		2	530.000			
719	Tiêu Việt Đến	10/5/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	961549051		2	530.000			
720	Võ Thị Hiền Diệu	8/8/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	964782758		2	530.000			
721	Phạm Đình Bạch Linh	20/2/1997	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	1628715087		2	530.000			
722	Phạm Thị Sương	14/9/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	1648942517		2	530.000			
723	Nguyễn Hữu Tiến	15/4/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHB	HL	1629667665		2	530.000			
724	Châu Ngọc Cường	10/8/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1239375530		2	530.000			
725	Lê Thanh Đạt	26/5/1996	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	1634255577		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
726	Phan Văn Dũng	2/9/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	1636718822		2	530.000			
727	Phạm Thị Hoa	15/12/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1656687114		2	530.000			
728	Nguyễn Thị Hương	27/5/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1669571252		2	530.000			
729	Nguyễn Kim Luyt	2/10/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	942598190		2	530.000			
730	Đàm Thị Lý	26/8/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	983519291		2	530.000			
731	Lê Thị Ngọc Mai	30/8/1997	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	1698723439		2	530.000			
732	Lê Thị Phi Nga	8/3/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	1292523087		2	530.000			
733	Châu Thị Quỳnh Oanh	4/12/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1682948448		2	530.000			
734	Lê Việt Phương	3/3/1997	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1676827676		2	530.000			
735	Lê Cẩm Phương	11/9/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1697711117		2	530.000			
736	Phan Ngọc Minh Quân	27/9/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1696372995		2	530.000			
737	Lê Thị Tâm	3/8/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1683980777		2	530.000			
738	Nguyễn Thị Thu Thảo	7/10/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1628651357		2	530.000			
739	Trần Thị Hoài Thương	2/4/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	886082799		2	530.000			
740	Hoàn Đan Thùy	10/5/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1663510188		2	530.000			
741	Nguyễn Thị Tiên	19/5/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	1297477162		2	530.000			
742	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	19/3/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	CT	962250677		2	530.000			
743	Phạm Thị Thùy Trang	25/4/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1625038822		2	530.000			
744	Lê Việt Bảo Trung	23/6/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1215968612		2	530.000			
745	Lê Thị Ngọc Tuyên	18/9/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	968877946		2	530.000			
746	Phan Thị Tú Uyên	21/6/1998	Toán C1	K50QTDVDLLHC	HL	1626716342		2	530.000			
747	Ngô Thị Vân Anh	20/2/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	905837180		2	530.000			
748	Trần Thị Thúy Bình	4/11/1997	Toán C1	K50QTKDA	HL	1646624887		2	530.000			
749	Nguyễn Huỳnh Yến Chi	9/5/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	918790509		2	530.000			
750	Trương Huyền Diệu	20/9/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1266692594		2	530.000			
751	Lê Thị Thanh Hương	14/7/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	941552674		2	530.000			
752	Nguyễn Thị Hường	5/8/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1656494157		2	530.000			
753	Đào Thị Mỹ Kiều	28/6/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	965345921		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
754	Nguyễn Thị Như Lý	9/7/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	976113640		2	530.000			
755	Dương Thị Trà Mi	3/7/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	911061151		2	530.000			
756	Đào Thị Diệu Minh	9/2/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1223523813		2	530.000			
757	Lưu Thị Uyên My	28/11/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1282280858		2	530.000			
758	Đỗ Thị Phương Thảo	19/10/1997	Toán C1	K50QTKDA	HL	973773801		2	530.000			
759	Võ Thị Thơm	6/8/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1657297300		2	530.000			
760	Dương Bảo Trâm	8/3/1998	Toán C1	K50QTKDA	CT	1625813737		2	530.000			
761	Lê Thị Thùy Uyên	3/5/1998	Toán C1	K50QTKDA	HL	1685526611		2	530.000			
762	Nguyễn Thành Đạt	2/1/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	1688005300		2	530.000			
763	Hồ Minh Hiếu	09/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	1225424334	22/5	2	530.000			
764	Văn Tiến Hiếu	1/1/1996	Toán C1	K50QTKDB	HL	978501342		2	530.000			
765	Cái Thị Hồng Hiếu	23/9/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	964200412		2	530.000			
766	Văn Đức Hưng	1/5/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	1203693562		2	530.000			
767	Ngô Gia Huy	21/10/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	1628587171		2	530.000			
768	Trần Thị Thanh Nhân	1/9/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	945567249	22/2	2	530.000			
769	Phan Thị Hồng Thanh	16/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	HL	1635321665		2	530.000			
770	Trần Thị Thu Thảo	15/7/1998	Toán C1	K50QTKDB	CT	1634651855		2	530.000			
771	Đào Thị Trâm Diệu	10/10/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL			2	530.000			
772	Lê Thị Kim Ngân	19/4/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	1665783714		2	530.000			
773	Lê Thị Nhi	26/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	1659881041		2	530.000			
774	Trương Thị Ny	18/7/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	934997438		2	530.000			
775	Võ Thị Thúy Oanh	22/7/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	1626146869		2	530.000			
776	Lê Phan Bảo Tịnh	29/12/1997	Toán C1	K50QTKDC	HL	1205430781		2	530.000			
777	Nguyễn Thị Hà Trang	9/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	1692099966		2	530.000			
778	Võ Thị Trinh	17/3/1997	Toán C1	K50QTKDC	HL	1699639373		2	530.000			
779	Lê Thị Hồng Vân	29/3/1998	Toán C1	K50QTKDC	HL	1202788074		2	530.000			
780	Trần Thị Việt Oanh	22/9/1995	Toán C2	K47HDDL	HL	905376547		2	530.000			
781	Phan Thị Thu Thúy	2/12/1995	Toán C2	K47HDDL	HL	1675111809		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
782	Nguyễn Châu Thảo	25/9/1995	Toán C2	K47KTDL	CT	963018298		2	530.000			
783	Võ Thanh Hiếu	26/3/1994	Toán C2	K47QHCC	HL	1689102667		2	530.000			
784	Nguyễn Thị Thúy Hà	5/3/1995	Toán C2	K47QLLH	HL	974110423		2	530.000			
785	Ngô Quỳnh An	25/4/1996	Toán C2	K47TMĐT	HL			2	530.000			
786	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Toán C2	K47TMĐT	HL	1202576586		2	530.000			
787	Hà Thái Hồng Diệu	17/10/1995	Toán C2	K47TMĐT	HL	1202576131		2	530.000			
788	Trần Nguyễn Đại Dương	15/10/1995	Toán C2	K47TMĐT	HL	1696752030		2	530.000			
789	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Toán C2	K47TMĐT	HL	1262525810		2	530.000			
790	Nguyễn Ngọc Hương	16/8/1995	Toán C2	K47TMĐT	HL	1262665430		2	530.000			
791	Hà Phi	29/1/1993	Toán C2	K47TMĐT	CT	962342300		2	530.000			
792	Phan Thị Tuyết Mai	14/8/1995	Toán C2	K47TTMKT	HL			2	530.000			
793	Lương Đức Hiếu	30/5/1996	Toán C2	K48HDDL	HL	1204599896		2	530.000			
794	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/2/1996	Toán C2	K48HDDL	HL	935535138		2	530.000			
795	Phan Thị Thúy Nga	12/5/1996	Toán C2	K48HDDL	HL	906451949		2	530.000			
796	Trần Thị Huyền Trang	6/11/1996	Toán C2	K48HDDL	HL	1654687444		2	530.000			
797	A Bền	7/6/1989	Toán C2	K48QHCC	HL	1662827041		2	530.000			
798	Nguyễn Thị Lờ	20/7/1996	Toán C2	K48QLLH2	HL	968486612		2	530.000			
799	Nguyễn Mỹ Bảo Hưng	24/9/1996	Toán C2	K48QTKDDL	HL	1265377167		2	530.000			
800	Trịnh Thu Thùy	26/11/1996	Toán C2	K48QTKDDL	HL	1203983155		2	530.000			
801	Nguyễn Thị Lựu	25/1/1996	Toán C2	K48QTLHQT	HL	968479728		2	530.000			
802	Trần Thị Minh Nhi	28/6/1996	Toán C2	K48QTLHQT	HL	905780810		2	530.000			
803	Lê Thị Thu Sương	22/4/1996	Toán C2	K48QTLHQT	HL	1635155200		2	530.000			
804	Lê Hoàng Đức	10/8/1997	Toán C2	K49HDDL	HL	1646774526		2	530.000			
805	Huỳnh Thị Hiền	20/5/1996	Toán C2	K49KTDL	HL	1283303295		2	530.000			
806	Lê Thị Hương	19/5/1997	Toán C2	K49KTDL	HL	1667438812		2	530.000			
807	Dương Ngọc Phương Anh	27/6/1997	Toán C2	K49QHCC	HL	914929012		2	530.000			
808	Huỳnh Thị Minh Châu	21/8/1997	Toán C2	K49QLLH1	HL	1635138218		2	530.000			
809	Lê Văn Đức	6/1/1997	Toán C2	K49QLLH1	CT	1297353709		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
810	Nguyễn Thị Thu Hà	10/5/1997	Toán C2	K49QLLH1	HL	1653208543	18/5	2	530.000			
811	Nguyễn Thùy Mai	3/8/1997	Toán C2	K49QLLH2	HL	1656393406		2	530.000			
812	Nguyễn Dương Quỳnh	8/9/1997	Toán C2	K49QLLH2	HL	1659181901		2	530.000			
813	Trương Thị Bích Ngọc	17/4/1997	Toán C2	K49QLLH3	HL	945976314		2	530.000			
814	Nguyễn Trần Kim Nguyên	1/1/1996	Toán C2	K49QLLH3	HL	1686344011		2	530.000			
815	Nguyễn Thị Thanh	19/7/1996	Toán C2	K49QLLH3	HL	1293665780		2	530.000			
816	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Toán C2	K49QLLH3	HL	1247070497		2	530.000			
817	Đặng Thị Như Ý	6/6/1997	Toán C2	K49QLLH3	HL	1666143193		2	530.000			
818	Văn Thị Ngọc Thanh Diệp	5/5/1997	Toán C2	K49QTKD	HL	1692659987		2	530.000			
819	Lê Thị Ly Na	29/9/1997	Toán C2	K49QTKD	HL	984920963		2	530.000			
820	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/5/1997	Toán C2	K49TCSK	HL	935728410		2	530.000			
821	Nguyễn Thị Hằng	23/3/1997	Toán C2	K49TCSK	HL	963892847		2	530.000			
822	Nguyễn Thị Thùy Linh	5/6/1997	Toán C2	K49TCSK	HL	1639756359		2	530.000			
823	Trần Thị Khánh Ly	7/9/1997	Toán C2	K49TCSK	HL	1634003594		2	530.000			
824	Trần Thị Khánh Vân	5/5/1997	Toán C2	K49TCSK	HL	981599097	17/5	2	530.000			
825	Nguyễn Khoa Thị Th Linh	29/5/1997	Toán C2	K49TMĐT	HL	1626595155		2	530.000			
826	Đoàn Thị Tố Uyên	13/2/1997	Toán C2	K49TMĐT	HL	1632903621		2	530.000			
827	Nguyễn Phước Quang	24/4/1996	Toán C2	K49TTMKT	HL	1657573831		2	530.000			
828	Huỳnh Bảo Châu	17/7/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	934749043		2	530.000			
829	Lê Trần Quân Chương	25/4/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1649189114		2	530.000			
830	Huỳnh Thị Thùy Duyên	2/8/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1698646111		2	530.000			
831	Đặng Mỹ Duyên	1/1/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	988932500		2	530.000			
832	Đinh Đặng Minh Hằng	18/11/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1212457768		2	530.000			
833	Văn Ny Hồng	1/1/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	1676164081		2	530.000			
834	Hồ Đăng Nhật Huy	7/4/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	901754509		2	530.000			
835	Văn Thị Ngọc Huyền	8/4/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	1224832640		2	530.000			
836	Trần Như Là	11/1/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1666173120		2	530.000			
837	Hoàng Thị Diệu Linh	28/10/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1658122672		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
838	Lê Hoàng Mỹ Loan	11/5/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	1216874445		2	530.000			
839	Nguyễn Cảnh Nhân	23/9/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1282098102		2	530.000			
840	Nguyễn Thị Nhiên	20/8/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	1678716077		2	530.000			
841	Phan Thị Kiều Oanh	9/8/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1625550404		2	530.000			
842	Phạm Thị Kim Phượng	5/11/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1268563531		2	530.000			
843	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	27/7/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1203956595		2	530.000			
844	Nguyễn Công Sách	26/7/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1685545471		2	530.000			
845	Nguyễn Thị Hương Sen	20/2/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1282139254		2	530.000			
846	Võ Phước Minh Tâm	26/3/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1637767496		2	530.000			
847	Nguyễn Thị Bé Thảo	4/11/1997	Toán C2	K50KTDL	HL	1659962855		2	530.000			
848	Trần Thị Hoài Thu	18/8/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1229406396		2	530.000			
849	Từ Thị Thu Trâm	1/4/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1656408638		2	530.000			
850	Phan Thị Vân	8/3/1998	Toán C2	K50KTDL	HL	1685295228		2	530.000			
851	Nguyễn Thị Song Lê	11/2/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHA	HL	1655797938		2	530.000			
852	Trần Thị Minh Nguyệt	28/3/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHA	HL	1216260905		2	530.000			
853	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/8/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1292542186		2	530.000			
854	Trần Lê Ngọc Ánh	21/1/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1202704466		2	530.000			
855	Võ Thị Hiền Diệu	8/8/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	964782758		2	530.000			
856	Lê Thị Duyên	23/7/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1648762814		2	530.000			
857	Nguyễn Thị Diệu Hiền	13/7/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1215617339		2	530.000			
858	Lê Tấn Nhật Hiếu	26/1/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1202426105		2	530.000			
859	Phạm Đình Bạch Linh	20/2/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1628715087		2	530.000			
860	Dương Thị Ngọc Mai	7/7/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1625388777		2	530.000			
861	Trần Việt Mẫn	7/2/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1212132114		2	530.000			
862	Lê Thị Phương Nho	16/1/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	973564304		2	530.000			
863	Nguyễn Tấn Quý	6/9/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1223450656		2	530.000			
864	Phạm Thị Sương	14/9/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1648942517		2	530.000			
865	Lê Đắc Thịnh	22/8/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1666638324		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
866	Nguyễn Thị Tình	8/3/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	976990682		2	530.000			
867	Nguyễn Hạnh Tuyền	10/12/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHB	HL	1659527766		2	530.000			
868	Nguyễn Thị Hương	27/5/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1669571252		2	530.000			
869	Nguyễn Kim Luyt	2/10/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	942598190		2	530.000			
870	Nguyễn Thị Ngr	19/6/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1274321268		2	530.000			
871	Nguyễn Thị Nguyên	1/6/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	961548069		2	530.000			
872	Châu Thị Quỳnh Oanh	4/12/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1682948448		2	530.000			
873	Lê Cẩm Phương	11/9/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1697711117		2	530.000			
874	Phan Ngọc Minh Quân	27/9/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1696372995		2	530.000			
875	Trần Công Quý	22/3/1997	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1676187381		2	530.000			
876	Trần Đại Thắng	22/6/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1629411026		2	530.000			
877	Nguyễn Thị Thanh	24/2/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	CT	1669863473		2	530.000			
878	Nguyễn Thị Thu Thảo	7/10/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1628651357		2	530.000			
879	Hoàn Đan Thùy	10/5/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1663510188		2	530.000			
880	Phan Thị Tú Uyên	21/6/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1626716342		2	530.000			
881	Nguyễn Thế Vũ	11/11/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	HL	1634112072		2	530.000			
882	Trần Thị Kim Yên	27/11/1998	Toán C2	K50QTDVDLLHC	CT	1226875846		2	530.000			
883	Lê Thị Thu Hoài	28/7/1998	Toán C2	K50QTKDA	HL	1693849898		2	530.000			
884	Nguyễn Thị Hường	5/8/1998	Toán C2	K50QTKDA	HL	1656494157		2	530.000			
885	Trần Thị Như Ngọc	17/8/1998	Toán C2	K50QTKDA	HL	1643862833		2	530.000			
886	Lê Thị Hoài Phương	19/4/1998	Toán C2	K50QTKDA	CT	961554419		2	530.000			
887	Hoàng Thị Thắm	23/12/1998	Toán C2	K50QTKDA	CT	1635185050		2	530.000			
888	Dương Bảo Trâm	8/3/1998	Toán C2	K50QTKDA	CT	1625813737		2	530.000			
889	Lê Thì Thùy Uyên	3/5/1998	Toán C2	K50QTKDA	HL	1685526611		2	530.000			
890	Nguyễn Thành Đạt	2/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1688005300		2	530.000			
891	Đỗ Diệu	18/5/1996	Toán C2	K50QTKDB	HL	1653105059		2	530.000			
892	Hồ Minh Hiếu	09/7/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1225424334	22/5	2	530.000			
893	Văn Tiến Hiếu	1/1/1996	Toán C2	K50QTKDB	HL	978501342		2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
894	Cái Thị Hồng Hiếu	23/9/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	964200412		2	530.000			
895	Văn Đức Hưng	1/5/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1203693562		2	530.000			
896	Ngô Gia Huy	21/10/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1628587171		2	530.000			
897	Hà Thị Lâm	10/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1625876699		2	530.000			
898	Nguyễn Thị Quỳnh Như	4/1/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	903514192	22/5	2	530.000			
899	Trần Lê Tiêu Song	12/11/1997	Toán C2	K50QTKDB	HL	1664740134		2	530.000			
900	Phan Thị Hồng Thanh	16/7/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1635321665		2	530.000			
901	Trần Thanh Nhật Thi	6/10/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1215644109	22/5	2	530.000			
902	Nguyễn Lê Anh Thư	23/2/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1266720049		2	530.000			
903	Phoutsamay Phengbuavanh	17/6/1998	Toán C2	K50QTKDB	HL	1698653648	22/5	2	530.000			
904	Linly Koutsabath	8/10/1997	Toán C2	K50QTKDB	HL	1689808110	22/5	2	530.000			
905	Nguyễn Quốc Bảo	7/6/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1676797022		2	530.000			
906	Đào Thị Trâm Diệu	10/10/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL			2	530.000			
907	Nguyễn Thị Mỹ Hào	16/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1636645633		2	530.000			
908	Huỳnh Ngọc Huyền	20/4/1998	Toán C2	K50QTKDC	CT	1286442412		2	530.000			
909	Phan Thị Ngân	17/7/1997	Toán C2	K50QTKDC	HL	1202407066		2	530.000			
910	Lê Thị Kim Ngân	19/4/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1665783714		2	530.000			
911	Phan Thị Nguyễn	17/7/1997	Toán C2	K50QTKDC	HL	1266692639		2	530.000			
912	Hà Đức Nhật	16/12/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1689590763		2	530.000			
913	Lê Thị Nhi	26/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1659881041		2	530.000			
914	Trần Thị Nhung	16/11/1998	Toán C2	K50QTKDC	CT	1228891136		2	530.000			
915	Võ Thị Thúy Oanh	22/7/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1626146869		2	530.000			
916	Bùi Thị Kim Thoa	27/5/1998	Toán C2	K50QTKDC	CT	1674852626		2	530.000			
917	Võ Thị Trinh	17/3/1997	Toán C2	K50QTKDC	HL	1699639373		2	530.000			
918	Lê Thị Hồng Vân	29/3/1998	Toán C2	K50QTKDC	HL	1202788074		2	530.000			
919	Vương Thị Thanh Huyền	19/8/1995	Tổng quan du lịch	K47QHCC	HL	935730128		3	795.000			
920	Lương Mỹ Linh	21/7/1995	Tổng quan du lịch	K47QHCC	CT	1268587795		3	795.000			
921	Lê Đức Nhân	11/8/1994	Tổng quan du lịch	K47TTMKT	CT	963857103		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
922	Đặng Thị Bích Chi	27/6/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	HL	898228154		3	795.000			
923	Phạm Quốc Huy	27/1/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	HL	986450676		3	795.000			
924	Trần Thị Kim	1/11/1995	Tổng quan du lịch	K48QHCC	CT	898228154		3	795.000			
925	Lê Phước Phi Luýt	10/10/1992	Tổng quan du lịch	K48QHCC	HL	937207995		3	795.000			
926	Lê Thị Mạnh Khương	27/6/1996	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	CT	1223431505		3	795.000			
927	Hồ Thị Lộc	25/10/1995	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	HL	969005927		3	795.000			
928	Mai Thị Hà Vy	26/2/1996	Tổng quan du lịch	K48QLLH1	HL	903536909		3	795.000			
929	Lê Thị Thương	3/2/1996	Tổng quan du lịch	K48QLLH2	CT	969528674		3	795.000			
930	Trương Thúy Hà	26/11/1996	Tổng quan du lịch	K48TCSK	HL	1626174428		3	795.000			
931	Lê Ngọc Phương Nhi	14/12/1995	Tổng quan du lịch	K48TCSK	HL	1208042900		3	795.000			
932	Lê Thị Hoài Như	27/4/1996	Tổng quan du lịch	K48TCSK	CT	905101060	19/5	3	795.000			
933	Nguyễn Đình Tâm	5/11/1996	Tổng quan du lịch	K48TCSK	HL	1626197465		3	795.000			
934	Lê Thị Thúy Vy	7/4/1996	Tổng quan du lịch	K48TMĐT	CT	1688943164		3	795.000			
935	Phan Thị Trà Ny	21/4/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	HL	963312307		3	795.000			
936	Nguyễn Sỹ Tài	5/6/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	CT	1222460909		3	795.000			
937	Nguyễn Thị Phương Thúy	12/11/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	HL	1224513972		3	795.000			
938	Đoàn Thị Thanh Trang	1/12/1996	Tổng quan du lịch	K48TTMKT	HL	1268480035		3	795.000			
939	Nguyễn Võ Kim Anh	24/2/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL	1215139391	16/5	2	600.000			
940	Dương Công Thế Hùng	27/5/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL	1224585222		2	600.000			
941	Trương Thị Vinh Huyền	7/1/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL			2	600.000			
942	Trương Thị Vinh Huyền	7/1/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL	906527132		2	600.000			
943	Trần Thị Kim Thúy	01/3/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL	1689713551	16/5	2	600.000			
944	Nguyễn Thị Tường Vân	9/4/1995	Truyền thông nội bộ	K47QHCC	HL	976107723		2	600.000			
945	Nguyễn Thị Việt Nga	23/4/1995	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K47QHCC	HL	935411605		2	530.000			
946	Nguyễn Thanh Phú Cường	26/5/1995	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K47TMĐT	CT	1202576586		2	530.000			
947	Nguyễn Minh Hùng	01/2/1995	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K47TMĐT	HL	1262525810		2	530.000			
948	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/2/1996	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K48HDDL	HL	935535138		2	530.000			
949	Trần Thị Như Ngọc	13/10/1996	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K48KTDL	HL	1269807660	19/5	2	530.000			

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
950	Trần Thị	Kim	1/11/1995	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K48QHCC	CT	898228154		2	530.000			
951	Trần Thị	Lam	1/3/1996	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K48TCSK	CT	935307388		2	530.000			
952	Lê Thị Thúy	Vy	7/4/1996	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K48TMĐT	CT	1688943164		2	530.000			
953	Đỗ Lê Nhật	Quang	7/12/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QHCC	HL	1224194971		2	530.000			
954	Vô Thiện	Tuấn	5/1/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QHCC	HL	905840810		2	530.000			
955	Trương Thị Phương	Anh	16/4/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QLLH1	HL	1206087929		2	530.000			
956	Phạm Thị Ngọc	Trâm	10/7/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QLLH1	CT	971826993		2	530.000			
957	Nguyễn Văn	Hoàng	24/2/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QLLH2	HL	1628272873	19/5	2	530.000			
958	Hồ Đình	Lực	19/6/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49QTKD	HL	1634782441		2	530.000			
959	Lê Thị Thu	Hường	10/5/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49TCSK	HL	1658420402		2	530.000			
960	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/7/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49TCSK	HL	1205426174		2	530.000			
961	Lê Trung	Tiến	1/2/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49TCSK	HL	972425988		2	530.000			
962	Phan Thị Ngọc	Nương	17/9/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49TMĐT	HL	1212154215		2	530.000			
963	Hồ Thị Thanh	Thanh	6/9/1997	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	2	530.000			
964	Lê Đức	Nhân	11/8/1994	Văn hóa học	K47TTMKT	CT	963857103		3	1,140.000			
965	Lê Công Bá	Thiện	2/1/1996	Văn hóa học	K48HDDL	HL	1284485007		3	1,140.000			
966	Dương Thị	Hằng	1/2/1996	Văn hóa học	K48QLLH1	HL	989543575		3	1,140.000			
967	Lê Thị Tường	Vân	10/1/1996	Văn hóa học	K48QLLH2	HL	1287744481		3	1,140.000			
968	Nguyễn Thái	Quan	26/7/1997	Xác suất thống kê	K47HDDL	HL	1215602417		3	795.000			
969	Đào Xuân	Son	14/5/1995	Xác suất thống kê	K47HDDL	HL	1635085679		3	795.000			
970	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	12/9/1995	Xác suất thống kê	K47HDDL	CT	1665705860		3	795.000			
971	Vương Thị Thanh	Huyền	19/8/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	HL	935730128		3	795.000			
972	Lương Mỹ	Linh	21/7/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	CT	1268587795		3	795.000			
973	Nguyễn Thị Việt	Nga	23/4/1995	Xác suất thống kê	K47QHCC	HL	935411605		3	795.000			
974	Trần Thị Tuyết	Nhung	16/11/1995	Xác suất thống kê	K47QTKD	CT	969875798		3	795.000			
975	Trần Nguyễn Đại	Dương	15/10/1995	Xác suất thống kê	K47TMĐT	HL	1696752030		3	795.000			
976	Nguyễn Minh	Hùng	01/2/1995	Xác suất thống kê	K47TMĐT	HL	1262525810		3	795.000			
977	Lê Đức Bảo	Ngọc	01/2/1995	Xác suất thống kê	K47TMĐT	HL	1202414441	18/5	3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
978	Lương Phan Minh Quý	8/12/1995	Xác suất thống kê	K47TMĐT	HL	1205913162	18/5	3	795.000			
979	Lê Thị Minh Nguyệt	3/1/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	1658006524		3	795.000			
980	Phan Thị An Phú	15/8/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	969016461		3	795.000			
981	Nguyễn Hồng Phương	18/12/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	1645238977		3	795.000			
982	Nguyễn Thị Quyên	7/4/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	1648499878	22/5	3	795.000			
983	Lê Thị Thanh Tâm	30/3/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL		22/5	3	795.000			
984	Lê Công Bá Thiện	2/1/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	1284485007		3	795.000			
985	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/12/1996	Xác suất thống kê	K48HDDL	HL	1216909749		3	795.000			
986	Trần Thị Thu Hiền	20/3/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL		1222425275		3	795.000			
987	Phan Trần Nhật Nhung	17/6/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL	HL	1229418005		3	795.000			
988	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	24/2/1996	Xác suất thống kê	K48KTDL	HL	936634534	17/5	3	795.000			
989	Phạm Thị Tý	17/7/1995	Xác suất thống kê	K48KTDL	HL	1639681085		3	795.000			
990	Hoàng Đỗ Tuyết Vân	20/6/1995	Xác suất thống kê	K48KTDL	HL	935103604		3	795.000			
991	Nguyễn Thị Lan Vi	16/5/1995	Xác suất thống kê	K48QHCC	HL	973936746		3	795.000			
992	Nguyễn Thị Thúy Hiền	10/12/1996	Xác suất thống kê	K48QLLH1	HL	1658489029		3	795.000			
993	Hồ Thị Lộc	25/10/1995	Xác suất thống kê	K48QLLH1	HL	969005927		3	795.000			
994	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/3/1996	Xác suất thống kê	K48TCSK	CT	1208090068		3	795.000			
995	Nguyễn Song Thùy Trang	28/3/1996	Xác suất thống kê	K48TCSK	HL	1647969580		3	795.000			
996	Phan Thị Quỳnh Như	2/12/1996	Xác suất thống kê	K48TTMKT	CT	905741419		3	795.000			
997	Đoàn Thị Thanh Trang	1/12/1996	Xác suất thống kê	K48TTMKT	HL	1268480035		3	795.000			
998	Bùi Nha Trang	14/6/1996	Xác suất thống kê	K48TTMKT	HL	1683344515		3	795.000			
999	Đỗ Văn Minh Chính	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1205976960		3	795.000			
1000	Lê Quang Duận	3/2/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	CT	981765905		3	795.000			
1001	Phan Thanh Đức	12/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1625528555		3	795.000			
1002	Trần Thị Dung	4/7/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	981301596		3	795.000			
1003	Tạ Vĩnh Hà	23/7/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1272172602	18/5	3	795.000			
1004	Hà Thị Tuyết Hậu	12/8/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	965962511		3	795.000			
1005	Văn Thị Hiền	1/8/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	962353387		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1006	Lê Xuân Hùng	2/6/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1678415611		3	795.000			
1007	Phan Thị Huyền	20/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1692443737		3	795.000			
1008	Lê Thị Mỹ Linh	24/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1222941200		3	795.000			
1009	Nguyễn Thị Hồng Lĩnh	14/9/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	981207642		3	795.000			
1010	Trần Quang Minh	18/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL			3	795.000			
1011	Đào Văn Năm	2/5/1998	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	971843595		3	795.000			
1012	Nguyễn Tú Ngân	27/7/1995	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1648163857		3	795.000			
1013	Võ Thị Bích Ngọc	28/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1204062481		3	795.000			
1014	Nguyễn Vũ Nhân	1/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1633343342		3	795.000			
1015	Hoàng Thị Nhân	3/5/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	966484702		3	795.000			
1016	Phan Thị Lan Nhi	7/12/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1264034327		3	795.000			
1017	Nguyễn Văn Phi	17/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1696351646		3	795.000			
1018	Lê Thị Thúy Phương	22/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	935931029		3	795.000			
1019	Lê Thị Phương	20/4/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	981304293		3	795.000			
1020	Phan Tám	8/1/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	969356580		3	795.000			
1021	Nguyễn Cửu Thị Tâm	17/6/1996	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	981116896		3	795.000			
1022	Nguyễn Thị Minh Thâu	29/10/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1654596462		3	795.000			
1023	Nguyễn Thị Thoa	7/11/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1653040371		3	795.000			
1024	Hoàng Thị Thùy	1/8/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1665249650		3	795.000			
1025	Nguyễn Văn Tuấn	18/3/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1679743903		3	795.000			
1026	Đoàn Quang Vinh	14/7/1997	Xác suất thống kê	K49HDDL	HL	1633103446		3	795.000			
1027	Lê Hoàng Phước Cường	1/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1224403274		3	795.000			
1028	Lê Thị Hương	19/5/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1667438812		3	795.000			
1029	Trần Đức Anh Kiệt	21/3/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1667458581		3	795.000			
1030	Lê Thị Minh Nga	1/2/1995	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	973220739		3	795.000			
1031	Nguyễn Thị Bình Nhi	5/12/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1667553834		3	795.000			
1032	Nguyễn Thị Hà Nhi	28/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1659393125		3	795.000			
1033	Lê Thị Thúy Quỳnh	1/10/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1282129443		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1034	Hồ Thị Thu Thảo	29/7/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1636632189		3	795.000			
1035	Trần Anh Thư	13/10/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1626126266		3	795.000			
1036	Nguyễn Thị Thanh Thúy	5/6/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1676843680		3	795.000			
1037	Nguyễn Đăng Thị Th Trang	8/1/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	963087433		3	795.000			
1038	Lê Tấn Hoàng Vũ	9/1/1997	Xác suất thống kê	K49KTDL	HL	1214192887		3	795.000			
1039	Dương Ngọc Phương Anh	27/6/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	914929012		3	795.000			
1040	Mai Thị Ngọc Anh	12/5/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	1656402285		3	795.000			
1041	Võ Kiều Danh	6/10/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	976616299		3	795.000			
1042	Trương Thị Ngọc Nga	2/9/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	1648081202		3	795.000			
1043	Bùi Thị Như Ngọc	30/10/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	969061229		3	795.000			
1044	Nguyễn Thị Tâm Nhi	9/11/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	1253426982		3	795.000			
1045	Phan Thị Thảo	10/9/1996	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	969061025		3	795.000			
1046	Bùi Xuân Việt	11/12/1997	Xác suất thống kê	K49QHCC	HL	1665676223		3	795.000			
1047	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	6/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1264306331		3	795.000			
1048	Huỳnh Thị Minh Châu	21/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1635138218		3	795.000			
1049	Võ Quang Dinh	15/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	964772695		3	795.000			
1050	Nguyễn Cửu Hoài Đức	10/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1659030248		3	795.000			
1051	Nguyễn Thị Thu Hà	10/5/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1653208543	18/5	3	795.000			
1052	Nguyễn Thị Diệù Huyền	22/5/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1659514947		3	795.000			
1053	Trần Nhã Kỳ	21/11/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1213666682		3	795.000			
1054	Lê Văn Lang	2/1/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	981874807		3	795.000			
1055	Nguyễn Thị Mê Lin	1/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	935164507		3	795.000			
1056	Trần Ninh Ngọc	20/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1693372300	18/5	3	795.000			
1057	Phan Thị Thục Nguyễn	7/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1658006800	18/5	3	795.000			
1058	Trần Thị Nhớ	23/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1655984172		3	795.000			
1059	Hoàng Thị Nhung	2/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1225578118		3	795.000			
1060	Phan Hữu Niên	6/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1636399975	18/5	3	795.000			
1061	Nguyễn thị Thanh Tâm	21/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	982415718		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1062	Võ Thị Thanh	19/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	961391894		3	795.000			
1063	Hoàng Thị Thiên Thanh	30/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1263035600		3	795.000			
1064	Bùi Thị Thanh Thảo	13/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1695203951	18/5	3	795.000			
1065	Chu Duy Thật	25/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	985838637		3	795.000			
1066	Lê Trần Anh Thư	23/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	974701429		3	795.000			
1067	Phan Thị Thủy Tiên	19/8/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1628280081		3	795.000			
1068	Lê Thị Thanh Tuyền	16/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH1	HL	1686021316		3	795.000			
1069	Trương Thị Kim Anh	27/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	981536197		3	795.000			
1070	Trương Quốc Bình	18/1/1995	Xác suất thống kê	K49QLLH2		977561650		3	795.000			
1071	Lê Thị Ngọc Châu	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1639920301		3	795.000			
1072	Nguyễn Thị Hương Giang	20/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1276551077		3	795.000			
1073	Nguyễn Thị Hằng	26/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1646790521		3	795.000			
1074	Nguyễn Văn Hoàng	24/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1628272873	19/5	3	795.000			
1075	Đặng Thị Thu Hường	8/10/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	965922682		3	795.000			
1076	Trần Thị Cẩm Lai	8/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1672035201		3	795.000			
1077	Nguyễn Phan Mỹ Linh	2/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1647081148		3	795.000			
1078	Nguyễn Thùy Mai	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1656393406		3	795.000			
1079	Trần Thị Thanh Nga	11/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	989450173		3	795.000			
1080	Trương Thị Ngọc	22/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1636006315		3	795.000			
1081	Nguyễn Thị Huyền Nhi	7/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1269953240		3	795.000			
1082	Nguyễn Thị Như	15/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL			3	795.000			
1083	Hồ Thị Hồng Nhung	22/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	971419095		3	795.000			
1084	Đặng Vũ Minh Phương	8/3/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1223554941		3	795.000			
1085	Phan Thị Phương	17/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1677743665		3	795.000			
1086	Trần Thị Phương	9/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1297751900		3	795.000			
1087	Nguyễn Xuân Thắng	12/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	977561650		3	795.000			
1088	Hồ Thị Thanh Thanh	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1669861034		3	795.000			
1089	Nguyễn Thị Thu	15/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1654566882		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1090	Trần Thị Thu Thủy	27/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1227574357		3	795.000			
1091	Phan Thị Đoan Trang	16/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	979639641		3	795.000			
1092	Nguyễn Thị Trinh	20/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL	1205687297		3	795.000			
1093	Thâm Thị Thanh Uyên	2/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH2	HL			3	795.000			
1094	Trần Thị Ngọc Bích	17/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1633741466		3	795.000			
1095	Lê Hữu Chung	24/9/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL			3	795.000			
1096	Bùi Thanh Hà	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	935208609		3	795.000			
1097	Nguyễn Thị Huyền	3/8/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1626844175		3	795.000			
1098	Lê Thị Liên	7/8/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1653439836		3	795.000			
1099	Trần Thị Kim Loan	29/9/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1216655209		3	795.000			
1100	Lê Ngọc	14/7/1994	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	963430333		3	795.000			
1101	Nguyễn Trần Kim Nguyễn	1/1/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1686344011		3	795.000			
1102	Huỳnh Thị Thùy Nhiên	14/11/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	981080057		3	795.000			
1103	Ngô Thị Thùy Nhung	5/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1644276136		3	795.000			
1104	Đoàn Vĩnh Phước	17/6/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1282281827		3	795.000			
1105	Trần Thị Quý	14/10/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	985855206		3	795.000			
1106	Trần Như Quỳnh	2/2/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1699229759		3	795.000			
1107	Trần Thị Thanh Thanh	24/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1262605379		3	795.000			
1108	Nguyễn Thị Thanh	19/7/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1293665780		3	795.000			
1109	Lê Thị Thảo	6/11/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	965707358		3	795.000			
1110	Nguyễn Thị Thảo	26/1/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1636929005		3	795.000			
1111	Nguyễn Thị Ngọc Thi	7/4/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1247070497		3	795.000			
1112	Nguyễn Thị Ý Thy	26/7/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	CT			3	795.000			
1113	Ngô Thị Thu Trâm	25/2/1996	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1639518817	19/5	3	795.000			
1114	Nguyễn Thị Vân	1/12/1997	Xác suất thống kê	K49QLLH3	HL	1699382217		3	795.000			
1115	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	18/11/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1202656555	18/5	3	795.000			
1116	Nguyễn Thị Kim Anh	21/8/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1205942570		3	795.000			
1117	Văn Thị Ngọc Thanh Diệp	5/5/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1692659987		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1118	Nguyễn Đặng Thùy Dung	29/10/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1678137877		3	795.000			
1119	Lê Thị Ly Na	29/9/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	984920963		3	795.000			
1120	Nguyễn Thị Thúy Ninh	6/8/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	943616205		3	795.000			
1121	Đinh Thị Hoàng Oanh	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1687079577		3	795.000			
1122	Trần Huyền Thoại	6/3/1996	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	978404015	17/5	3	795.000			
1123	Lê Thị Quỳnh Vân	1/2/1997	Xác suất thống kê	K49QTKD	HL	1202483897		3	795.000			
1124	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/5/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	935728410		3	795.000			
1125	Phạm Thị Ngọc Bích	4/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1263035417		3	795.000			
1126	Nguyễn Thị Kim Dy	10/4/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1204644719	19/5	3	795.000			
1127	Nguyễn Thị Hằng	23/3/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	963892847		3	795.000			
1128	Bùi Thị Thu Hiền	20/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1698159025		3	795.000			
1129	Phạm Lê Trung Hiếu	6/6/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1645000775		3	795.000			
1130	Lê Thị Thu Hường	10/5/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1658420402		3	795.000			
1131	Đỗ Trung Kiên	25/12/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1216751825		3	795.000			
1132	Đinh Nữ Nhật Linh	3/11/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1263262013		3	795.000			
1133	Trần Thị Linh	11/10/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL			3	795.000			
1134	Nguyễn Thị Hoàng Luyện	02/1/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1668380433		3	795.000			
1135	Trần Thị Khánh Ly	7/9/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1634003594		3	795.000			
1136	Nguyễn Thị Thu Lý	13/10/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1262288254		3	795.000			
1137	Trần Nguyên Hà Thi	20/4/1995	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1288027097		3	795.000			
1138	Hồ Anh Thư	3/7/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1202624372		3	795.000			
1139	Nguyễn Quỳnh Thư	30/7/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1205426174		3	795.000			
1140	Nguyễn Thị Thúy	20/4/1997	Xác suất thống kê	K49TCSK	HL	1698387707		3	795.000			
1141	Phạm Cao Liên Công	1992	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1224599194		3	795.000			
1142	Dương Việt Duy	29/1/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1203140456		3	795.000			
1143	Lê Thị Thanh Giàu	27/6/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1664267379		3	795.000			
1144	Lê Thị Khánh Hà	2/9/1996	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1206190308		3	795.000			
1145	Nguyễn Khoa Thị Th Linh	29/5/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1626595155		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1146	Ngô Thị Mỹ	30/11/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1636359761	19/5	3	795.000			
1147	Hồ Văn Minh Quân	28/12/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1262605533		3	795.000			
1148	Hoàng Thị Tâm	20/3/1996	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1669817868		3	795.000			
1149	Nguyễn Thị Thùy Trang	8/11/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	981951894		3	795.000			
1150	Trương Thị Trinh	19/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1683308612		3	795.000			
1151	Nguyễn Xuân Minh Tuấn	9/5/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1247777252		3	795.000			
1152	Đoàn Thị Tố Uyên	13/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1632903621		3	795.000			
1153	Nguyễn Thị Hồng Vân	25/2/1997	Xác suất thống kê	K49TMĐT	HL	1689392363		3	795.000			
1154	Nguyễn Thị Trâm Anh	24/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1202055392		3	795.000			
1155	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1/3/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1639238128		3	795.000			
1156	Lê Phú Hương	14/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	936856531		3	795.000			
1157	Võ Thị Hương	6/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1219384897		3	795.000			
1158	Võ Thị Đức Kiều	20/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1224579696		3	795.000			
1159	Nguyễn Thị Kim Luân	13/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1288026085		3	795.000			
1160	Lê Phước Thảo Mi	11/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1213325665		3	795.000			
1161	Đặng Thị Hồng Nga	11/6/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1658199042		3	795.000			
1162	Trần Thị Mỹ Nhi	3/12/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	935605024		3	795.000			
1163	Nguyễn Thị Mỹ Phương	30/3/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1644530725		3	795.000			
1164	Trần Thị Minh Phương	30/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	906436403		3	795.000			
1165	Nguyễn Phước Quang	24/4/1996	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1657573831		3	795.000			
1166	Bảo Hoàng Minh Quý	2/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1226322587		3	795.000			
1167	Hoàng Nhật Thái	13/5/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	898866445		3	795.000			
1168	Hồ Thị Thanh Thanh	6/9/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1213330847	17/5	3	795.000			
1169	Nguyễn Thanh Thanh	24/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1226132378		3	795.000			
1170	Ngô Thị Thu	21/2/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	905069620		3	795.000			
1171	Nguyễn Thị Ngọc Tiếp	28/7/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	966463217		3	795.000			
1172	Nguyễn Thị Bảo Trân	2/12/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	935540441		3	795.000			

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	LỚP THEO HỌC	HL,CT, HV	Số điện thoại	Ngày ĐK	Số TC	Số Tiền	Ngày nộp	Ký tên	Ghi chú
1173	Lê Thị Minh Trang	5/6/1996	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1216741347		3	795.000			
1171	Lê Thị Thùy Trang	27/8/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL			3	795.000			
1172	Nguyễn Trí Tuệ	12/1/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	1679650049		3	795.000			
1173	Lê Thị Kim Tuyền	15/5/1997	Xác suất thống kê	K49TTMKT	HL	974658311		3	795.000			
	Trần Thị Mỹ Nguyên	25/9/1996	Cơ sở văn hóa VN	K48QHCC	CT	1222421265		3	795.000			
	Lê Thị Hương Sen	3/8/1995	ĐLĐCSVN	K48QHCC	HL	1695685979		3	795.000			
	Lê Thị Hương Sen	3/8/1995	Tâm lý đại cương	K48QHCC	HL	1695685979		2	530.000			
	Lê Thị Hương Sen	3/8/1995	Quản trị nhân lực	K48QHCC	HL	1695685979		3	795.000			
	Ngô Thị Minh Châu	3/6/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL	1265925633		3	795.000			
	Ngô Thị Minh Châu	3/6/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL	1265925633		2	530.000			
	Ngô Thị Minh Châu	3/6/1996	Xác suất thống kê	K48QHCC	HL	1265925633		3	795.000			
	Lê Thị Hương Sen	3/8/1995	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL			3	795.000			
	Nguyễn Thị Kim Huê	4/11/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL			3	795.000			
	Nguyễn Thị Kim Huê	4/11/1996	Tổng quan du lịch	K48QHCC	HL			3	795.000			
	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	1/8/1995	Xác suất thống kê	K48QHCC	HL			3	795.000			
	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	1/8/1995	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL			2	530.000			
	Trần Thị Mỹ Nguyên	25/9/1996	Pháp luật đại cương	K48QHCC	HL			2	530.000			
	Trần Thị Mỹ Nguyên	25/9/1996	Nguyên lý TKKT	K48QHCC	HL			3	795.000			
	Nguyễn Văn Đức	1/8/1994	Văn hóa học	K46TMĐT	HL			3	1,140.000			
	Nguyễn Văn Đức	1/8/1994	Quản trị nhân lực	K46TMĐT	HL			3	795.000			
	Nguyễn Văn Đức	1/8/1994	Khoa học môi trường	K46TMĐT	HL			3	795.000			